



(12) BẢN MÔ TẢ SÁNG CHẾ THUỘC BẰNG ĐỘC QUYỀN SÁNG CHẾ

(19) Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (VN)
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

(11)



1-0032165

(51)⁷ A61F 5/02; A61F 13/06

(13) B

(21) 1-2016-03674

(22) 03/03/2015

(86) PCT/JP2015/056221 03/03/2015

(87) WO 2015/133478 A1 11/09/2015

(30) 2014-040937 03/03/2014 JP; 2014-043639 06/03/2014 JP

(45) 25/06/2022 411

(43) 26/12/2016 345A

(73) KOWA COMPANY, LTD. (JP)

6-29, Nishiki 3-chome, Naka-ku, Nagoya-shi, Aichi 4608625, Japan

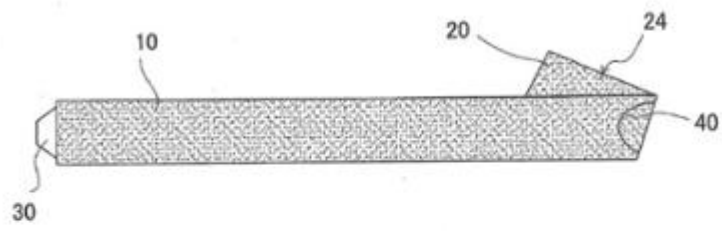
(72) TSUCHIYA Akiharu (JP); OJIMA Hitoshi (JP); KASENO Hidenori (JP).

(74) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

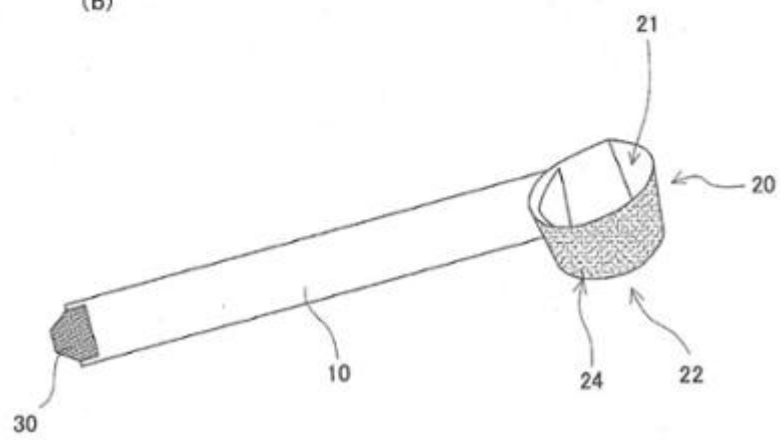
(54) BĂNG VÀ BỘ BĂNG DÙNG CHO KHỚP CỔ CHÂN

(57) Sáng chế đề cập đến băng dùng cho khớp cổ chân có chức năng quấn bọc với khả năng cải thiện tiến trình đi bộ của người mang băng cách cải thiện độ ổn định của khớp cổ chân. Băng dùng cho khớp cổ chân (100) bao gồm phần thân chính dạng dải (10) mà là vải dệt có mặt vòng dính (10c) của băng gai dính và được tạo ra từ phần quấn (11) được quấn quanh cổ chân của người mang, phần đỡ thứ nhất (12) được bố trí từ mu bàn chân đến cổ chân của người mang, và phần đỡ thứ hai (13) được bố trí từ cổ chân đến mu bàn chân của người mang để đi ngang qua phần đỡ thứ nhất (12) ở phần trên của mu bàn chân của người mang; phần neo (20) được kết nối vào đầu này (10a) của phần thân chính (10), là vải dệt có mặt vòng dính (23) của băng gai dính, và được siết chặt quanh phần tương ứng với xương bàn chân của người mang; và phần móc (30) được kết nối vào đầu kia (10b) của phần thân chính (10) và có mặt gai móc (33) của băng gai dính, mà gắn tháo ra được vào mặt vòng dính (23) của phần neo (20).

(a)



(b)



Lĩnh vực kỹ thuật được đề cập

Sáng chế đề cập đến băng dùng cho khớp cổ chân, có thể đỡ chuyển động hàng ngày của người mang, và cụ thể là đề cập đến băng dùng cho khớp cổ chân có chức năng quán bọc để cải thiện độ ổn định của khớp cổ chân, nhờ đó giảm mỏi cơ ba đầu cẳng chân (calf) và giảm đau gân Achilles, cơ ba đầu cẳng chân, và phía ngoài (dây chằng) của khớp cổ chân.

Tình trạng kỹ thuật của sáng chế

Theo kỹ thuật hiện nay, băng quấn dạng dải (dải vải bám dính có khả năng căng ra hoặc không có khả năng căng ra, được sử dụng bằng cách gắn vào phần của cơ thể), băng này với chi tiết đỡ cơ bản là hình ống được dệt kim trong dệt kim tròn, hoặc tương tự được sử dụng để thực hiện mục đích y tế như là để ngăn ngừa tổn thương bên ngoài như bong gân ở khớp cổ tay, khớp cổ chân, hoặc khớp gối, điều trị khẩn cấp ở thời điểm tổn thương bên ngoài, hỗ trợ trong phục hồi sau khi thương tổn và cho đến khi hồi phục hoàn toàn, hoặc ngăn ngừa tái phát tổn thương bên ngoài hoặc tương tự.

Trong số các loại băng này, băng quấn là để dùng một lần, và do đó không có tính kinh tế, và có vấn đề là phụ thuộc vào thể trạng của người sử dụng, phát ban xuất hiện trên da của người sử dụng do chất bám dính, và có sự liên quan là ở người sử dụng có da nhạy cảm, như là người cao tuổi, bong tróc da có thể xuất hiện khi bóc tách băng quấn.

Hơn nữa, chi tiết đỡ dệt kim tròn có dạng gần như là hình ống, và do đó, có vấn đề liên quan là trong trường hợp mà vị trí bị tổn thương được lồng vào để ép uốn cong, có thể bị đau, và lực cố định là thấp hơn, so với băng quấn.

Ngược lại, dải băng theo sáng chế là vải dạng dải có khả năng căng ra theo hướng sợi dọc, và do đó, dễ tuân theo vùng chịu tác động, tự người mang có thể

quần nó trong khi điều chỉnh lực cố định, lực dư là không được áp dụng đổi lại chuyển động của thân người mang, có thể thu được lực cố định ổn định, và có tính kinh tế bởi vì nó có thể được sử dụng lặp lại.

Ví dụ, phương tiện chỉnh hình cổ chân theo kỹ thuật hiện nay được đề xuất với phần khóa mà được khoá vào ngón chân cái hoặc ngón chân khác, phần quần tròn dạng dải được cố định sẽ được quần hình khuyên quanh cổ chân và có tính linh hoạt để giãn ra và co lại dọc theo hướng quần, phần quần lò xo dạng dải mà nối phần khóa và phần quần tròn, được quần lò xo trên vùng từ ngón chân cái hoặc ngón chân khác của chân đến cổ chân, và có tính linh hoạt để giãn ra và co lại dọc theo hướng quần, và phần quần lò xo uốn cong mà được uốn cong giữa phần quần tròn, phần quần lò xo, và phần khóa (tham khảo đến, ví dụ, Tài liệu sáng chế 1).

Các tài liệu tình trạng kỹ thuật

Tài liệu sáng chế

[Tài liệu sáng chế 1] JP-A-2011-45628.

Bản chất kỹ thuật của sáng chế

Vấn đề kỹ thuật

Phương tiện chỉnh hình cổ chân theo kỹ thuật hiện nay là để hiệu chỉnh việc quay ra ngoài hoặc việc quay vào trong của cổ chân bằng cách quần lò xo trên vùng từ ngón chân đến cổ chân với phần khóa, vào trong mà ngón chân cái hoặc ngón chân khác được lồng vào, như một cái neo, và không nhằm mục đích quần (dạng số 8) để ổn định toàn bộ khớp của cổ chân.

Hơn nữa, ở phương tiện chỉnh hình cổ chân theo kỹ thuật hiện nay, ngón chân cái hoặc chỉ một ngón chân trong số các ngón chân khác được lồng vào trong phần khóa, và do đó, ngón chân với phần khóa được đặt trên đó trở nên cao hơn bởi lượng tương ứng với độ dày của vải ở phần khóa, so với các ngón chân khác,

và do đó có vấn đề là cảm giác bất tiện xuất hiện trong lòng bàn chân của chân khi người mang đi bộ với phương tiện chỉnh hình cổ chân được dùng trên đó.

Hơn nữa, trong phương tiện chỉnh hình cổ chân theo kỹ thuật hiện nay, vật liệu trong đó vải (vải có phần băng gai dính móc-và-vòng và vải thông thường) được kết nối vào và được cố định vào các bề mặt phía trước và phía sau của tấm cọ xát được sử dụng cho phần quần tròn, và do đó có vấn đề là độ dày của phần quần tròn trở nên dày hơn.

Hơn nữa, trong Tài liệu sáng chế 1, không có bộc lộ cụ thể mức kéo dài tối đa của từng phần quần lò xo uốn cong, phần quần tròn, và phần quần lò xo.

Sáng chế đã được thực hiện để giải quyết vấn đề như được mô tả trên đây và một mục đích tượng của sáng chế là đề xuất băng dùng cho khớp cổ chân có chức năng quần bọc để cải thiện độ ổn định của khớp cổ chân, nhờ đó có khả năng cải thiện tiến trình đi bộ của người mang.

Giải pháp cho vấn đề

Do đó, sáng chế đề xuất băng dùng cho khớp cổ chân, băng này bao gồm phần thân chính dạng dải, là vải dệt và được tạo ra từ phần quần được quần quanh cổ chân của người mang, phần đỡ thứ nhất được bố trí từ mu bàn chân đến cổ chân của người mang, và phần đỡ thứ hai được bố trí từ cổ chân đến mu bàn chân của người mang để đi ngang qua phần đỡ thứ nhất ở phần trên của mu bàn chân của người mang; phần neo được kết nối vào đầu này của phần thân chính, là vải dệt có mặt vòng dính của băng gai dính, và được siết chặt quanh phần tương ứng với xương bàn chân của người mang; và phần móc được kết nối vào đầu kia của phần thân chính và có mặt gai móc của băng gai dính, mà gắn tháo ra được vào mặt vòng dính của phần neo.

Ngoài ra, theo sáng chế, thuật ngữ “được bố trí” hàm ý là “được đặt để áp dụng đến vị trí được xác định trước ở người (vị trí ở người mang)”, và thuật ngữ

“được tạo ra” là đề chỉ “được tạo ra ở vị trí được xác định trước của đối tượng (băng dùng cho khớp cổ chân)”.

Hiệu quả có lợi của sáng chế

Ở băng dùng cho khớp mắt cá băng theo sáng chế, có thể cải thiện độ ổn định của khớp cổ chân, nhờ đó giảm mọi cơ ba đầu căng chân và giảm đau gân Achilles, cơ ba đầu căng chân, và phía ngoài (dây chằng) của khớp cổ chân.

Mô tả vắn tắt các hình vẽ

Fig.1(a) là hình vẽ dạng sơ đồ nhìn từ phía trước thể hiện kết cấu của băng dùng cho khớp cổ chân để ngăn ngừa bong gân vẹo trong ở chân phải theo phương án thứ nhất, và Fig.1(b) là hình vẽ nhìn từ phía sau của băng dùng cho khớp cổ chân được thể hiện trên Fig.1(a).

Fig.2(a) là hình vẽ dạng sơ đồ nhìn từ phía trước thể hiện cấu hình của băng dùng cho khớp mắt cá chân trong đó các mẫu hình được tạo ra ở phần thân chính và phần neo được thể hiện trên Fig.1, và Fig.2(b) là hình vẽ nhìn từ phía sau của băng dùng cho khớp cổ chân được thể hiện trên Fig.2(a).

Fig.3(a) là hình vẽ nhìn từ bên trái của băng dùng cho khớp cổ chân được thể hiện trên Fig.1(a), Fig.3(b) là hình vẽ nhìn từ bên phải của băng dùng cho khớp cổ chân được thể hiện trên Fig.1(a), Fig.3(c) là hình chiếu bằng của băng dùng cho khớp cổ chân được thể hiện trên Fig.1(a), và Fig.3(d) là hình vẽ nhìn từ dưới lên của băng dùng cho khớp cổ chân được thể hiện trên Fig.1(a).

Fig.4(a) là hình vẽ nhìn từ bên trái trong đó phần thân chính của băng dùng cho khớp cổ chân được thể hiện trên Fig.1(a), được thể hiện ở dạng nhẵn, và Fig.4(b) là hình vẽ nhìn từ bên phải trong đó phần thân chính của băng dùng cho khớp cổ chân được thể hiện trên Fig.1(a) được thể hiện ở dạng nhẵn.

Fig.5(a) là hình vẽ nhìn từ phía trước trong đó điểm tâm của phần neo được thể hiện trên Fig.1 nằm ở tâm của phía trước, và Fig.5(b) là hình vẽ phối cảnh của băng dùng cho khớp cổ chân được thể hiện trên Fig.1.

Fig.6(a) là hình vẽ giải thích ở dạng sơ đồ của trạng thái mang băng dùng cho khớp cổ chân được thể hiện trên các hình vẽ Fig.1 và Fig.4 khi được nhìn từ phía trước bên trái, Fig.6(b) là hình vẽ giải thích ở dạng sơ đồ của trạng thái mang băng dùng cho khớp cổ chân được thể hiện trên các hình vẽ Fig.1 và Fig.4 khi được nhìn từ phía trước phía, Fig.6(c) là hình vẽ giải thích ở dạng sơ đồ của trạng thái mang băng dùng cho khớp cổ chân được thể hiện trên các hình vẽ Fig.1 và Fig.4 khi được nhìn từ phía sau bên trái, và Fig.6(d) là hình vẽ giải thích ở dạng sơ đồ của trạng thái mang băng dùng cho khớp cổ chân được thể hiện trên các hình vẽ Fig.1 và Fig.4 khi được nhìn từ phía trước bên phải.

Fig.7(a) là hình vẽ giải thích ở dạng sơ đồ, thể hiện trạng thái mà đầu ngón chân của chân phải đã được lồng vào ở phần neo của băng dùng cho khớp cổ chân được thể hiện trên các hình vẽ Fig.1 và Fig.4, Fig.7(b) là hình vẽ giải thích ở dạng sơ đồ, thể hiện trạng thái mà phần thân chính được xoay đi nửa vòng từ mắt cá trong của chân phải đến cổ chân, Fig.7(c) là hình vẽ giải thích ở dạng sơ đồ, thể hiện trạng thái mà phần thân chính được xoay đi nửa vòng nữa đến cổ chân từ trạng thái được thể hiện trên Fig.7(b), và Fig.7(d) là hình vẽ giải thích ở dạng sơ đồ, thể hiện trạng thái mà phần thân chính được bố trí ở mu bàn chân trên vùng mắt cá ngoài của chân phải đến phía ngón thứ nhất.

Fig.8(a) là hình vẽ dạng sơ đồ nhìn từ phía trước thể hiện kết cấu của băng dùng cho khớp cổ chân để ngăn ngừa bong gân vẹo trong ở chân trái theo phương án thứ nhất, và Fig.8(b) là hình vẽ nhìn từ phía sau của băng dùng cho khớp cổ chân được thể hiện trên Fig.8(a).

Fig.9(a) là hình vẽ nhìn từ bên trái của băng dùng cho khớp cổ chân được thể hiện trên Fig.8(a), Fig.9(b) là hình vẽ nhìn từ bên phải của băng dùng cho khớp

cổ chân được thể hiện trên Fig.8(a), Fig.9(c) là hình chiếu bằng của băng dùng cho khớp cổ chân được thể hiện trên Fig.8(a), và Fig.9(d) là hình vẽ nhìn từ dưới lên của băng dùng cho khớp cổ chân được thể hiện trên Fig.8(a).

Fig.10(a) là hình vẽ nhìn từ bên trái trong đó phần thân chính của băng dùng cho khớp cổ chân được thể hiện trên Fig.8(a) được thể hiện ở dạng nhẵn, và Fig.10(b) là hình vẽ nhìn từ bên phải trong đó phần thân chính của băng dùng cho khớp cổ chân được thể hiện trên Fig.8(a) được thể hiện ở dạng nhẵn.

Fig.11(a) là hình vẽ giải thích ở dạng sơ đồ để mô tả ví dụ về kiểu dệt vải có mặt vòng dính của từng phần trong số phần thân chính và phần neo được thể hiện trên Fig.1, và Fig.11(b) là hình vẽ mặt cắt ngang được lấy dọc theo đường A-A' và được nhìn theo hướng mũi tên, của kiểu dệt vải được thể hiện trên Fig.11(a).

Fig.12(a) là hình vẽ giải thích ở dạng sơ đồ để mô tả ví dụ về kiểu dệt vải của mặt vòng dính và phần mẫu hình của từng phần trong số phần thân chính và phần neo được thể hiện trên Fig.2, và Fig.12(b) là hình vẽ mặt cắt ngang được lấy dọc theo đường B-B' và được nhìn theo hướng mũi tên, của kiểu dệt vải được thể hiện trên Fig.12(a).

Fig.13 là bảng thể hiện các kết quả đánh giá về cảm giác hiệu quả nhờ vào sự chênh lệch ở mức kéo dài tối đa của phần thân chính được thể hiện trên Fig.1.

Fig.14(a) là hình vẽ dạng sơ đồ nhìn từ phía trước thể hiện cấu hình của băng dùng cho khớp cổ chân khác để ngăn ngừa bong gân vẹo trong ở chân phải theo phương án thứ nhất, và Fig.14(b) là hình vẽ nhìn từ phía sau của băng dùng cho khớp cổ chân được thể hiện trên Fig.14(a).

Fig.15(a) là hình vẽ giải thích ở dạng sơ đồ để mô tả ví dụ về kiểu dệt vải ở mặt nền phía mặt trước của phần thân chính được thể hiện trên các hình vẽ Fig.14(a) và 14(b), và Fig.15(b) là hình vẽ mặt cắt ngang được lấy dọc theo đường

C-C' và được nhìn theo hướng mũi tên, của kiểu dệt vải được thể hiện trên Fig.15(a).

Fig.16(a) là hình vẽ giải thích ở dạng sơ đồ để mô tả ví dụ về kiểu dệt vải ở phần mẫu hình của phần thân chính mà không có mặt vòng dính của băng gai dính, và Fig.16(b) là hình vẽ mặt cắt ngang được lấy dọc theo đường D-D' và được nhìn theo hướng mũi tên, của kiểu dệt vải được thể hiện trên Fig.16(a).

Mô tả chi tiết sáng chế

(Phương án thứ nhất của sáng chế)

Theo sáng chế, băng là để chỉ “vật gồm vải dạng dải, có khả năng căng ra theo hướng sợi dọc làm vật liệu chính và trong đó vải dạng dải được quấn quanh phần của cơ thể, nhờ đó có khả năng hỗ trợ chức năng của cơ thể”, và chỉ cần là nó có tác dụng này, thậm chí nếu nó không được thể hiện như dải (ví dụ, chi tiết đỡ quần, dải đỡ, hoặc tương tự), thì cũng vẫn nằm trong phạm vi của băng theo sáng chế.

Băng dùng cho khớp cổ chân 100 theo sáng chế bao gồm phần thân chính dạng dải 10 mà là vải dệt có mặt vòng dính 10c của băng gai dính và được tạo ra từ phần quần 11 được quấn quanh cổ chân của người mang, phần đỡ thứ nhất 12 được bố trí ở trạng thái căng từ mu bàn chân đến cổ chân của người mang, và phần đỡ thứ hai 13 được bố trí ở trạng thái căng từ cổ chân đến mu bàn chân của người mang để đi ngang qua phần đỡ thứ nhất 12 ở phần trên của mu bàn chân của người mang; phần neo 20 được kết nối vào đầu này 10a của phần thân chính 10, là vải dệt có mặt vòng dính 23 của băng gai dính, và được siết chặt quanh phần tương ứng với xương bàn chân của người mang; và phần móc 30 được kết nối vào đầu kia 10b của phần thân chính 10 và có mặt gai móc 33 của băng gai dính, mà gắn tháo ra được vào mặt vòng dính 23 của phần neo 20, như được thể hiện trên các hình vẽ từ Fig.1 đến Fig.10.

Phần neo 20 được siết chặt quanh phần tương ứng với xương bàn chân của người mang, nhờ đó định vị bằng dùng cho khớp cổ chân 100 khi xét đến cổ chân của người mang, và dùng làm neo dưới của phần thân chính 10 có cấu hình dạng số 8.

Từng phần trong số phần thân chính 10 và phần neo 20 có dạng dải và được tạo từ vải hẹp có khả năng căng ra được dệt ở dạng kết hợp của sợi dọc 1 và sợi ngang 2 bởi máy dệt như là máy dệt kim hoặc máy dệt kim hình, có khả năng căng ra theo hướng sợi dọc (hướng theo chiều dài L hoặc hướng theo chu vi), và được hạn chế về khả năng căng ra theo hướng sợi ngang (hướng theo chiều rộng W).

Hơn nữa, phần thân chính 10 được tạo ra từ phần quần 11 được quần quanh cổ chân của người mang, phần đỡ thứ nhất 12 được bố trí ở trạng thái căng từ mu bàn chân đến cổ chân của người mang, và phần đỡ thứ hai 13 được bố trí ở trạng thái căng từ cổ chân đến mu bàn chân của người mang để đi ngang qua phần đỡ thứ nhất 12 ở phần trên của mu bàn chân của người mang, trong đó phần đỡ thứ nhất 12 được tạo ra trên một phía đầu 10a của phần thân chính 10, phần đỡ thứ hai 13 được tạo ra trên một phía đầu kia 10b của phần thân chính 10, phần quần 11 được tạo ra giữa phần đỡ thứ nhất 12 và phần đỡ thứ hai 13, và phần đỡ thứ nhất 12, phần quần 11, và phần đỡ thứ hai 13 có dạng đường thẳng với cùng độ rộng.

Hơn nữa, sợi dọc 1 của từng phần trong số phần thân chính 10 và phần neo 20 được tạo ra với sợi nền dọc 1a mà tạo kết cấu một mặt (ví dụ, mặt nền phía sau) của vải cùng với sợi ngang 2, sợi ngang 1b mà hình thành các vòng trên mặt khác (ví dụ, mặt nền phía trước) của vải bằng cách nổi trên nhiều sợi ngang 2 liên kề với nhau theo hướng sợi dọc, và sợi đàn hồi 1c mà cho khả năng căng ra theo hướng sợi dọc, như được thể hiện trên Fig.11. Sau đây, trong bản mô tả này, từng mặt trong số mặt có mặt vòng dính 10c của phần thân chính 10 và mặt có mặt vòng dính 23 của phần neo 20 là để chỉ “mặt nền phía trước”, và mặt phía sau của nó là để chỉ “mặt nền phía sau”.

Sợi ngang 2 được tạo ra với sợi nền ngang 2a mà tạo kết cấu mặt nền phía sau của vải cùng với sợi nền dọc 1a, và sợi quang (nung chảy) 2b được tạo ra song song với sợi nền ngang 2a và có tính bám dính nhiệt, và đoạn đơn của sợi nền ngang 2a và đoạn đơn của sợi quang 2b được tạo ra song song, nhờ đó tạo kết cấu đoạn đơn của sợi ngang 2. Hơn nữa, trên các hình vẽ Fig.11 và Fig.12, đoạn đơn của sợi nền ngang 2a và đoạn đơn của sợi quang 2b được thể hiện làm đoạn đơn của sợi ngang 2. Hơn nữa, trên các hình vẽ Fig.11(b) và Fig.12(b), trên cơ sở của các sợi ngang 2 được tạo ra song song, phía trên là mặt nền phía trước và phía dưới là mặt nền phía sau.

Hơn nữa, ở từng phần trong số phần thân chính 10 và phần neo 20, mẫu hình 14 được hình thành từ các cấu hiệu, các hình dạng, các biểu tượng, hoặc dạng kết hợp của chúng có thể được tạo ra một phần trong mặt nền phía trước theo kiểu dệt hình được mở tự do, như được thể hiện trên Fig.2, bằng cách làm cho sợi nền dọc 1a của sợi dọc 1 nổi vào phía mặt nền phía trước và làm cho sợi ngang 1b của sợi dọc 1 chìm vào mặt nền phía sau, khi xét đến nhiều sợi ngang 2 liền kề với nhau theo hướng sợi dọc (hướng theo chiều dài L), bằng cách sử dụng máy dệt kim hình, và phần thân chính 10 và phần neo 20 có các vòng (mặt vòng dính 10c và mặt vòng dính 23) cơ bản là trên toàn bộ bề mặt của mặt nền phía trước với ngoại trừ các vùng của mẫu hình 14.

Tiếp theo, một ví dụ về kiểu dệt vải của từng phần trong số phần thân chính 10 và phần neo 20 theo phương án này sẽ được mô tả với việc tham khảo đến Fig.11. Cụ thể, sợi nền dọc 1a hình thành nên mặt vòng dính 10c (mặt vòng dính 23) tạo kết cấu kiểu dệt vải bằng cách lặp lại kiểu nổi-chìm 1-3 khi xét đến sợi ngang 2 (sợi nền ngang 2a và sợi quang 2b), trong đó sợi nền dọc 1a nổi do vậy mà đi qua ở phía trên so với đoạn đơn của sợi ngang 2 (sợi nền ngang 2a và sợi quang 2b) và chìm do vậy mà đi qua ở phía dưới so với 3 đoạn sợi ngang 2 (sợi nền ngang 2a và sợi quang 2b) liền kề với nhau, như được thể hiện trên Fig.11(b).

Hơn nữa, sợi nhung 1b hình thành nên mặt vòng dính 10c (mặt vòng dính 23) tạo cấu hình kiểu dệt vải bằng cách lặp lại kiểu nổi-chìm 6-2-2-2 khi xét đến sợi ngang 2 (sợi nền ngang 2a và sợi quang 2b), trong đó sợi nhung 1b nổi do vậy mà đi qua ở phía trên so với 6 đoạn sợi ngang 2 (sợi nền ngang 2a và sợi quang 2b) liền kề với nhau, chìm do vậy mà đi qua ở phía dưới so với 2 đoạn sợi ngang 2 (sợi nền ngang 2a và sợi quang 2b) liền kề với nhau, nổi do vậy mà đi qua ở phía trên so với 2 đoạn sợi ngang 2 (sợi nền ngang 2a và sợi quang 2b) liền kề với nhau, và chìm do vậy mà đi qua ở phía dưới so với 2 đoạn sợi ngang 2 (sợi nền ngang 2a và sợi quang 2b) liền kề với nhau, như được thể hiện trên Fig.11(b).

Hơn nữa, sợi đàn hồi 1c hình thành nên mặt vòng dính 10c (mặt vòng dính 23) tạo cấu hình kiểu dệt vải bằng cách lặp lại kiểu nổi-chìm 1-1 khi xét đến sợi ngang 2 (sợi nền ngang 2a và sợi quang 2b), trong đó sợi đàn hồi 1c nổi do vậy mà đi qua ở phía trên so với đoạn đơn của sợi ngang 2 (sợi nền ngang 2a và sợi quang 2b) và chìm do vậy mà đi qua ở phía dưới so với đoạn đơn của sợi ngang 2 (sợi nền ngang 2a và sợi quang 2b), như được thể hiện trên Fig.11(b).

Ngoài ra, kiểu dệt vải được tạo ra từ sợi nền dọc 1a, sợi nhung 1b, và sợi đàn hồi 1c được thể hiện trên Fig.11 là một ví dụ, và chỉ cần là có thể có các vòng (mặt vòng dính 10c hoặc mặt vòng dính 23) trên mặt nền phía trước, mà không có giới hạn về kiểu dệt vải này.

Tiếp đến là phần mô tả ví dụ về kiểu dệt vải của mẫu hình 14 được hình thành ở phần thân chính 10 theo phương án này với việc tham khảo đến Fig.12. Cụ thể, sợi nền dọc 1a hình thành nên mẫu hình 14 tạo cấu hình kiểu dệt vải bằng cách lặp lại kiểu nổi-chìm 3-1 khi xét đến sợi ngang 2 (sợi nền ngang 2a và sợi quang 2b), trong đó sợi nền dọc 1a nổi do vậy mà đi qua ở phía trên so với 3 đoạn sợi ngang 2 (sợi nền ngang 2a và sợi quang 2b) liền kề với nhau và chìm do vậy mà đi qua ở phía dưới so với đoạn đơn của sợi ngang 2 (sợi nền ngang 2a và sợi quang 2b), như được thể hiện trên Fig.12(b).

Hơn nữa, sợi nhung 1b hình thành nên mẫu hình 14 tạo kết cấu kiểu dệt vải bằng cách lặp lại kiểu nổi-chìm 2-2 khi xét đến sợi ngang 2 (sợi nền ngang 2a và sợi quang 2b), trong đó sợi nhung 1b chìm do vậy mà đi qua ở phía dưới so với 2 đoạn sợi ngang 2 (sợi nền ngang 2a và sợi quang 2b) liền kề với nhau và nổi do vậy mà đi qua ở phía trên so với 2 đoạn sợi ngang 2 (sợi nền ngang 2a và sợi quang 2b) liền kề với nhau, như được thể hiện trên Fig.12(b).

Hơn nữa, sợi đàn hồi 1c hình thành nên mẫu hình 14 tạo kết cấu kiểu dệt vải bằng cách lặp lại kiểu nổi-chìm 1-1 khi xét đến sợi ngang 2 (sợi nền ngang 2a và sợi quang 2b), trong đó sợi đàn hồi 1c nổi do vậy mà đi qua ở phía trên so với đoạn đơn của sợi ngang 2 (sợi nền ngang 2a và sợi quang 2b) và chìm do vậy mà đi qua ở phía dưới so với đoạn đơn của sợi ngang 2 (sợi nền ngang 2a và sợi quang 2b), như được thể hiện trên Fig.12(b).

Ngoài ra, kiểu dệt vải được tạo ra từ sợi nền dọc 1a, sợi nhung 1b, và sợi đàn hồi 1c được thể hiện trên Fig.12 là một ví dụ, và chỉ cần là có thể hình thành mẫu hình 14 trong mặt vòng dính 10c hoặc 23 của mặt nền phía trước, mà không có giới hạn về kiểu dệt vải này.

Hơn nữa, ở từng phần trong số phần thân chính 10 và phần neo 20, có thể tự do điều chỉnh mức kéo dài tối đa theo hướng sợi dọc (hướng theo chiều dài L) tùy theo vật liệu có chất lượng làm sợi dọc 1 và sợi ngang 2 (cụ thể, độ dày của sợi đàn hồi 1c và sợi nền ngang 2a) và số lần nhặt (số lượng) của sợi ngang 2. Theo sáng chế, mức kéo dài tối đa là để chỉ “tỷ lệ phần trăm chênh lệch giữa độ dài dài nhất (cỡ tối đa theo chiều dài) khi được căng ra bằng tải cao nhất và độ dài ban đầu (kích cỡ khi đặt nằm thẳng) khi xét đến độ dài ban đầu”.

Cụ thể, từ các kết quả xác định tổng quan ở đánh giá bằng cảm giác mà sẽ được mô tả sau đây, tốt hơn là mức kéo dài tối đa theo hướng sợi dọc (hướng theo chiều dài L) của từng phần trong số phần thân chính 10 và phần neo 20 được cài

đặt để nằm trong khoảng từ 40 đến 80%, và tốt hơn là nằm trong khoảng từ 45 đến 75%, và tốt nhất là bằng 60%.

Dưới đây là phần mô tả các phương án của phần thân chính 10 và phần neo 20, mà ở từng loại trong số đó mức kéo dài tối đa được cài đặt để bằng 60%. Khi xét đến sợi nền dọc 1a của từng phần trong số phần thân chính 10 và phần neo 20 theo phương án này, sợi đôi len nylon có độ dày bằng 100 (chi số sợi) được ưu tiên, và ở từng phần trong số phần thân chính 10 và phần neo 20 theo phương án này, tốt hơn là sử dụng 132 đoạn sợi đôi len nylon.

Hơn nữa, sợi nhung 1b của từng phần trong số phần thân chính 10 và phần neo 20 theo phương án này là sợi được tạo kết cấu đặc hiệu (210D-10F) thu được bằng cách làm xoắn 10 đoạn sợi tơ nylon với nhau, sau đó áp dụng nhiệt vào đó, và tiến hành làm xoắn hơn nữa theo hướng đối diện với hướng làm xoắn của 10 đoạn sợi tơ nylon, và có độ dày bằng 210 đonitê, và ở từng phần trong số phần thân chính 10 và phần neo 20 theo phương án này, tốt hơn là sử dụng 132 đoạn sợi được tạo kết cấu đặc hiệu (210D-10F).

Hơn nữa, khi xét đến sợi đàn hồi 1c của từng phần trong số phần thân chính 10 và phần neo 20 theo phương án này, sợi polyuretan có độ dày bằng 560 đonitê được ưu tiên, và ở từng phần trong số phần thân chính 10 và phần neo 20 theo phương án này, tốt hơn là sử dụng 36 đoạn sợi polyuretan.

Cụ thể, ở từng phần trong số phần thân chính 10 và phần neo 20 với vật liệu có chất lượng làm sợi dọc 1 được mô tả trên đây, ví dụ, nếu độ rộng bằng 5cm, sợi dọc mật độ theo sợi dọc 1 (sợi nền dọc 1a, sợi nhung 1b, và sợi đàn hồi 1c) bằng $1485,6D/mm = ((210D \times 132 \text{ đoạn}) + (100D \times 2 \text{ đoạn} \times 132 \text{ đoạn}) + (560D \times 36 \text{ đoạn})) / 50mm$.

Hơn nữa, ở sợi nhung 1b của từng phần trong số phần thân chính 10 và phần neo 20 theo phương án này, chi số sợi tơ bằng 10 đoạn, nhờ đó có ưu điểm là, so

với trường hợp mà chỉ số sợi là thấp (ví dụ, 7 đoạn), lực bám dính giữa các sợi tơ đặc (chắc) là cao và các sợi tơ đặc (chắc) của vải (từng phần trong số phần thân chính 10 và phần neo 20) là mềm.

Hơn nữa, sợi đàn hồi 1c của từng phần trong số phần thân chính 10 và phần neo 20 theo phương án này có độ dày bằng 560 đơniê, nhờ đó làm cho độ dày của vải (từng phần trong số phần thân chính 10 và phần neo 20) mỏng, so với trường hợp của sợi đàn hồi dày (ví dụ, 1120 đơniê), và do đó có thể chính vải đó đã là mềm.

Hơn nữa, khi xét đến sợi nền ngang 2a của từng phần trong số phần thân chính 10 và phần neo 20 theo phương án này, tốt hơn là sử dụng đoạn đơn của sợi len polyeste (EW) có độ dày bằng 150 đơniê.

Hơn nữa, khi xét đến sợi quang 2b của từng phần trong số phần thân chính 10 và phần neo 20 theo phương án này, tốt hơn là sử dụng đoạn đơn của sợi nylon nóng chảy nhiệt (ví dụ, “Elder (nhãn hiệu đã được đăng ký)” là sản phẩm của Toray Industries, Inc.) có độ dày bằng 100 đơniê.

Hơn nữa, ở từng phần trong số phần thân chính 10 và phần neo 20 theo phương án này, đoạn đơn của sợi nền ngang 2a và đoạn đơn của sợi quang 2b đồng thời được nhặt làm sợi ngang 2 bởi máy dệt, và số lần nhặt (số lượng) của sợi ngang 2 (sợi nền ngang 2a và sợi quang 2b) bằng 36,9 lần (mỗi 36,9 đoạn) cho 2,54cm (1 inso).

Cụ thể, ở từng phần trong số phần thân chính 10 và phần neo 20, tùy theo chất lượng vật liệu và số lần nhặt (số lượng) của sợi ngang 2 được mô tả trên đây, mật độ sợi ngang theo sợi ngang 2 (sợi len polyeste và sợi nylon nóng chảy nhiệt) bằng $9225D/inso = (150D + 100D) \times 36,9 \text{ lần/inso}$.

Hơn nữa, sợi nền ngang 2a của sợi ngang 2 của từng phần trong số phần thân chính 10 và phần neo 20 theo phương án này có độ dày bằng 150 đơniê, nhờ

đó có thể làm cho độ dày của vải (từng phần trong số phần thân chính 10 và phần neo 20) mỏng, so với trường hợp của sợi nền ngang (ví dụ, 300 đoniê) mà là sợi ngang dày.

Theo cách này, ở từng phần trong số phần thân chính 10 và phần neo 20 theo phương án này, với vật liệu có chất lượng làm sợi dọc 1 và sợi ngang 2 (cụ thể, độ dày của sợi đàn hồi 1c và sợi nền ngang 2a) được mô tả trên đây và số lần nhặt (số lượng) của sợi ngang 2 được mô tả trên đây, có thể cài đặt mức kéo dài tối đa theo hướng sợi dọc (hướng theo chiều dài L hoặc hướng theo chu vi) để bằng 60%.

Hơn nữa, khi xét đến độ dày của sợi đàn hồi 1c theo phương án này, 560 đoniê được đưa ra làm một ví dụ về độ dày. Tuy nhiên, theo sáng chế, loại có độ dày khả thi (sản xuất đại trà) 420 đoniê là có độ dày thấp hơn loại 1, hoặc 1120 đoniê là có độ dày cao hơn loại 1 có thể được chọn, và độ dày và số lần nhặt (số lượng) của sợi ngang 2 được mô tả trên đây có thể được thay đổi. Cụ thể, nếu độ dày của sợi đàn hồi 1c theo phương án này nằm trong khoảng từ 420 đến 1120 đoniê, có thể cài đặt mức kéo dài tối đa theo hướng sợi dọc của từng phần trong số phần thân chính 10 và phần neo 20 để là mức kéo dài tối đa trong phạm vi khoảng được mô tả trên đây.

Hơn nữa, khi xét đến độ dày của sợi nền ngang 2a của sợi ngang 2 theo phương án này, thì độ dày 150 đoniê được đưa ra làm một ví dụ về độ dày. Tuy nhiên, theo sáng chế, loại có độ dày khả thi (sản xuất đại trà) 100 đoniê là có độ dày thấp hơn loại 1, hoặc 300 đoniê là có độ dày cao hơn loại 1 có thể được chọn, và độ dày của sợi đàn hồi 1c và số lần nhặt (số lượng) của sợi ngang 2 được mô tả trên đây có thể được thay đổi. Cụ thể, nếu độ dày của sợi nền ngang 2a của sợi ngang 2 theo phương án này nằm trong khoảng từ 100 đến 300 đoniê, có thể cài đặt mức kéo dài tối đa theo hướng sợi dọc của từng phần trong số phần thân chính

10 và phần neo 20 để là mức kéo dài tối đa trong phạm vi khoảng được mô tả trên đây.

Hơn nữa, khi xét đến số lần nhặt (số lượng) của sợi ngang 2 (sợi nền ngang 2a và sợi quang 2b) theo phương án này, 36,9 lần (mỗi 36,9 đoạn) cho 2,54cm (1 inso) được đưa ra làm một ví dụ. Tuy nhiên, theo sáng chế, số lần nhặt (số lượng) của sợi ngang 2 (sợi nền ngang 2a và sợi quang 2b) nằm trong khoảng từ 32,8 lần (mỗi 32,8 đoạn) cho 2,54 đến 41,0 lần (mỗi 41,0 đoạn) cho 2,54cm có thể được chọn, và độ dày của sợi đàn hồi 1c và sợi ngang 2 được mô tả trên đây có thể được thay đổi. Cụ thể, nếu số lần nhặt (số lượng) của sợi ngang 2 (sợi nền ngang 2a và sợi quang 2b) theo phương án này nằm trong khoảng từ 32,8 lần (mỗi 32,8 đoạn) cho 2,54 đến 41,0 lần (mỗi 41,0 đoạn) cho 2,54cm, có thể cài đặt mức kéo dài tối đa theo hướng sợi dọc của từng phần trong số phần thân chính 10 và phần neo 20 để là mức kéo dài tối đa trong phạm vi khoảng được mô tả trên đây.

Hơn nữa, trong trường hợp mà độ dày của phần thân chính 10 là quá dày, khi quấn băng quanh cổ chân của người mang, nó trở nên cồng kềnh, và do đó trở nên khó quấn nó, và trong trường hợp mà độ dày của phần thân chính 10 là quá mỏng, chính vải của băng là dễ gấp, và do đó không thu được lực cố định mong muốn. Vì lý do này, tốt hơn là độ dày của phần thân chính 10 được cài đặt để là độ dày mà dễ dàng quấn băng và thu được lực cố định mong muốn, và ví dụ, nếu mức kéo dài tối đa theo hướng sợi dọc (hướng theo chiều dài L) của phần thân chính 10 là bằng 60%, tốt hơn là cài đặt độ dày của phần thân chính 10 sẽ là nhỏ hơn hoặc bằng 3mm.

Hơn nữa, trong trường hợp mà độ dày của phần neo 20 là quá dày, cảm giác bất tiện xuất hiện trong lòng bàn chân của chân của người mang, và trong trường hợp mà độ dày của phần neo 20 là quá mỏng, chính vải của băng là dễ gấp, và do đó không thu được lực cố định mong muốn. Vì lý do này, tốt hơn là độ dày của phần neo 20 được cài đặt để là độ dày trong đó cảm giác bất tiện không xuất hiện

trong lòng bàn chân của chân của người mang và thu được lực cố định mong muốn, và nếu mức kéo dài tối đa theo hướng sợi dọc (hướng theo chiều dài L) của phần neo 20 là bằng 60%, tốt hơn là cài đặt độ dày của phần neo 20 sẽ là nhỏ hơn hoặc bằng 3mm.

Hơn nữa, ở phần neo 20 theo phương án này, các vòng (mặt vòng dính 23) được đề xuất trên mặt (mặt nền phía trước) mà trở thành là phía ngoài trong trường hợp mà phần neo 20 được siết chặt quanh phần tương ứng với xương bàn chân của người mang, và do đó, phần móc 30 (mặt gai móc 33) được tạo ra ở phần thân chính 10 được tạo ra trên mặt nền phía sau của sợi của đầu kia 10b của phần thân chính 10 khi xét đến việc dễ dàng gắn vào và tháo ra được và mức độ tự do của vị trí khớp.

Hơn nữa, ở phần thân chính 10, để tương thích với dạng số 8 và phần neo trên, độ dài của các phần (phần đỡ thứ nhất 12 và phần đỡ thứ hai 13) mà giao nhau ở mu bàn chân của người mang, và độ dài của phần (phần quấn 11) mà quay tròn quanh cổ chân của người mang ít nhất một lần được yêu cầu, và mặc dù có sự chênh lệch riêng về cỡ của cổ chân theo giới tính, độ tuổi, hoặc tương tự, nhận thức được rằng độ dài của phần thân chính 10 được cài đặt để nằm trong khoảng, ví dụ, từ 46 đến 48cm. Hơn nữa, ở phần thân chính 10, mức độ rộng nào đó được yêu cầu để tiến hành có hiệu quả việc cố định khớp cổ chân của người mang, và tốt hơn là cài đặt độ rộng để nằm trong khoảng, ví dụ, từ 3 đến 7cm. Hơn nữa, ở phần neo 20, mức độ rộng nào đó được yêu cầu để gia tăng diện tích tiếp xúc với vùng chân của người mang, nhờ đó gia tăng lực ma sát, và ngăn ngừa chuyển động vị trí của phần neo 20 khi xét đến vùng chân của người mang, và tốt hơn là cài đặt độ rộng để nằm trong khoảng, ví dụ, từ 3 đến 7cm.

Hơn nữa, phần thân chính 10 theo phương án này là vải dệt có mặt vòng dính 10c của băng gai dính bằng cách sử dụng cùng loại vải làm phần neo 20. Tuy nhiên, nếu mức kéo dài tối đa theo hướng sợi dọc (hướng theo chiều dài L) là mức

kéo dài tối đa mong muốn, mặt vòng dính 10c của băng gai dính là không cần thiết được yêu cầu.

Tuy nhiên, phần thân chính 10 là vải dệt có mặt vòng dính 10c của băng gai dính, nhờ đó so với trường hợp mà nó không có mặt vòng dính 10c, khi ở trong trạng thái không sử dụng, có thể gấp gọn băng dùng cho khớp cổ chân 100 bằng cách cuộn tròn nó và làm cho mặt gai móc 33 của phần móc 30 được móc với mặt vòng dính 10c của phần thân chính 10, và phụ thuộc vào người mang, còn có trường hợp sử dụng băng dùng cho khớp cổ chân 100 với mặt gai móc 33 của phần móc 30 được móc với phần thân chính 10, và do đó có thể tạo ra mức độ tự do trong phương pháp sử dụng (vị trí khớp) của băng dùng cho khớp cổ chân 100.

Hơn nữa, phần neo 20 theo phương án này được tạo ra ở dạng nhẵn bằng cách kết nối (ví dụ, may) cả hai đầu của thân dạng dải, mà là vải có khả năng căng ra, vào nhau, và cụ thể, thân dạng dải trước khi kết nối cả hai đầu có dạng hình thang cân, và cả hai đầu (phía của dạng hình thang) được kết nối vào nhau, nhờ đó thân dạng dải sau khi kết nối cả hai đầu có dạng ống cơ bản là hình nón.

Theo cách này, ở băng dùng cho khớp cổ chân 100, trong trường hợp mà đầu ngón chân của người mang đã được lồng vào ở phần neo 20, bề mặt trong của phần neo 20 được khớp vào phần nghiêng của mu bàn chân, nhờ đó có thể ngăn chặn sự xuất hiện của chỗ nổi (phồng) hoặc các nếp nhăn trong phần đường kính lớn 21 và phần đường kính nhỏ 22 của ống cơ bản là hình nón của phần neo 20.

Hơn nữa, ở phần neo 20, để lồng đầu ngón chân của người mang vào trong đó và siết chặt nó quanh phần tương ứng với xương bàn chân, được ưu tiên, ví dụ, độ dài của đáy dưới của hình thang trong thân dạng dải trước khi kết nối cả hai đầu (độ dài theo chu vi của phần đường kính lớn 21 của ống cơ bản là hình nón sau khi kết nối cả hai đầu) được cài đặt để nằm trong khoảng từ 17 đến 21cm, và độ dài của đáy trên của hình thang trong thân dạng dải trước khi kết nối cả hai đầu (độ dài

theo chu vi của phần đường kính nhỏ 22 của ống cơ bản là hình nón sau khi kết nối cả hai đầu) được cài đặt để nằm trong khoảng từ 14 đến 18cm.

Ở đây, với phần neo 20, trong trường hợp mà sự chênh lệch về độ dài theo chu vi giữa phần đường kính lớn 21 và phần đường kính nhỏ 22 của ống cơ bản là hình nón sau khi kết nối cả hai đầu là lớn hơn hoặc bằng 4cm, thậm chí nếu phần đường kính lớn 21 được khớp vào chân của người mang, do độ dài theo chu vi của phần đường kính nhỏ 22 là nhỏ, phần đường kính nhỏ 22 chèn ép vào chân của người mang, và ngược lại, thậm chí nếu phần đường kính nhỏ 22 được khớp vào chân của người mang, do độ dài theo chu vi của phần đường kính lớn 21 rộng, khe xuất hiện giữa chân của người mang và phần đường kính lớn 21.

Vì lý do này, ở phần neo 20, tốt hơn là sự chênh lệch về độ dài theo chu vi giữa phần đường kính lớn 21 và phần đường kính nhỏ 22 của ống cơ bản là hình nón sau khi kết nối cả hai đầu được cài đặt sẽ là nhỏ hơn 4cm, tốt hơn là nằm trong khoảng từ 2,5 đến 3,5cm, và cụ thể, ở phần neo 20 theo phương án này, chênh lệch về độ dài theo chu vi giữa phần đường kính lớn 21 và phần đường kính nhỏ 22 của ống cơ bản là hình nón sau khi kết nối cả hai đầu được cài đặt sẽ là 3cm.

Hơn nữa, xét về các dạng may, có may bằng máy với đường may phẳng (may dùng 4 kim), may vắt sổ, may chữ chi (dịch dắc) 3 điểm, và tương tự. Tuy nhiên, cả hai đầu của phần neo 20 theo phương án này được may vào với nhau với cách may bằng máy với đường may phẳng mà có ưu điểm là phần kết hợp trở nên mỏng hơn, đường may được hoàn thiện sẽ là phẳng và chắc với lực ép vào đường may, và dễ dàng tương thích với dạng ba chiều bằng cách cắt theo dạng quả núi, và bởi vì không cho phép đường may trên mặt phía sau của vải, điểm may không chạm da, và do đó cảm giác khi mang là tốt.

Hơn nữa, phần neo 20 được tạo ra ở dạng nhẵn trong đó độ dài theo chu vi không thể được điều chỉnh, bằng cách may cả hai đầu của thân dạng dải vào nhau. Tuy nhiên, phần neo 20 có thể được tạo sao cho độ dài theo chu vi của nó có thể

được điều chỉnh, bằng cách may mặt gai móc của băng gai dính vào mặt nền phía sau của một đầu ở thân dạng dài mà không may cả hai đầu của thân dạng dài vào nhau.

Tuy nhiên, việc may mặt gai móc của băng gai dính đến phần neo 20 tạo ra sự gia tăng về giá thành sản xuất của băng dùng cho khớp cổ chân 100 vì gia tăng về số lượng thành phần, và độ dày của phần neo 20 trong phần băng gai dính trở nên dày hơn, do đó tác động đến cảm giác khi mang và hình thức đẹp của băng dùng cho khớp cổ chân 100. Do đó, tốt hơn là may cả hai đầu của thân dạng dài vào nhau.

Hơn nữa, phần neo 20 và phần thân chính 10 theo phương án này được kết nối vào nhau với góc θ giữa hướng theo chu vi của phần neo 20 và hướng theo chiều dài L của phần thân chính 10 là bằng 155° , như được thể hiện trên Fig.1. Tuy nhiên, nếu phần thân chính 10 có thể tương thích với dạng số 8 trong trường hợp mà băng dùng cho khớp cổ chân 100 được dùng, không có giới hạn về góc θ nêu trên đây.

Hơn nữa, trong trường hợp kéo phần thân chính 10 từ đầu này 10a đến phía đầu kia 10b, góc θ càng gần đến 180° , càng nhiều lực hơn tác động ở hướng theo chu vi (hướng theo chiều dài) của phần neo 20, nhờ đó phần neo 20 quay, và góc θ càng gần đến 90° , càng nhiều lực hơn tác động theo hướng chiều rộng của phần neo 20, nhờ đó phần neo 20 nâng lên dọc theo mu bàn chân. Vì lý do này, tốt hơn là khoảng giá trị của góc θ được cài đặt để nằm trong khoảng từ 145° đến 165° khi cân nhắc về việc dễ dàng phương pháp sử dụng của băng dùng cho khớp cổ chân 100 sao cho trong trường hợp kéo phần thân chính 10 từ đầu này 10a đến phía đầu kia 10b, phần thân chính 10 có thể được kéo ra theo đường chéo về phía sau khi xét đến phần neo 20 ở trạng thái mà chỗ nối (phồng) không xuất hiện ở phần neo 20 và phần thân chính 10 không bị xoắn ở vùng lân cận của phần kết nối 40.

Hơn nữa, phần kết nối 40 giữa phần neo 20 và đầu này 10a của phần thân chính 10 được may vào lồi ra đến phía đầu kia 10b của phần thân chính 10 sao cho trở nên dài hơn so với độ dài theo hướng chiều rộng W của phần thân chính 10.

Theo cách này, ở băng dùng cho khớp cổ chân 100, phần kết nối 40 được may vào có dạng lồi hướng về phía đầu kia 10b của phần thân chính 10, nhờ đó trong trường hợp quần băng dùng cho khớp cổ chân 100 quanh băng dùng cho khớp cổ chân của người mang, sự xoắn ở phần kết nối 40 có thể được hấp thụ (mất đi), đáp ứng với hướng quần (kéo) của phần thân chính 10 và sự xuất hiện của chỗ nổi (phồng) hoặc các nếp nhăn ở vùng lân cận của phần kết nối 40 có thể được ngăn chặn.

Hơn nữa, trong trường hợp mà phần kết nối 40 được tạo ra ở dạng cơ bản là hình tam giác, khi người mang mang băng dùng cho khớp cổ chân 100, ứng suất được tập trung trên đỉnh của tam giác do ứng suất kéo từ phần thân chính 10, và vải ở phần đỉnh bị yếu đi, và do đó có vấn đề là chỗ đã được may có thể bị dập gãy.

Vì lý do này, phần kết nối 40 theo phương án này được hình thành ở dạng cơ bản là nửa vòng tròn, nhờ đó ứng suất không tập trung thậm chí khi xét đến ứng suất kéo từ phần thân chính 10, việc dập gãy của chỗ được may vào có thể được ngăn ngừa, còn có thể đối phó với sự chênh lệch riêng theo hướng kéo của phần thân chính 10, và có thể ngăn chặn sự xuất hiện của chỗ nổi (phồng) hoặc các nếp nhăn ở vùng lân cận của phần kết nối 40.

Hơn nữa, trong kết nối giữa phần neo 20 và đầu này 10a của phần thân chính 10, việc may không được tiến hành trên cả hai phía của phần thân chính 10, nhờ đó cả hai phía của phần thân chính 10 không được cố định đến phần neo 20 và vải ở cả hai phía ở vùng lân cận phần kết nối 40 của phần thân chính 10 có thể được mở rộng.

Vì lý do này, ở băng dùng cho khớp cổ chân 100 theo phương án này, thậm chí nếu góc quán của phần thân chính 10 khi xét đến cổ chân của người mang thay đổi theo cách nào đó, sự vặn vẹo của vải trong từng phía ở vùng lân cận phần kết nối 40 của phần thân chính 10 được hấp thụ, và do đó có thể ngăn chặn sự xuất hiện của chỗ nổi (phồng) hoặc các nếp nhăn của vải trong từng phía ở vùng lân cận phần kết nối 40 của phần thân chính 10.

Hơn nữa, ở băng dùng cho khớp cổ chân 100 theo phương án này, như được thể hiện trên Fig.5(a), điểm tâm 24 bằng cách đường may làm điểm có thể được may vào ở vùng lân cận phần kết nối 40 của phần neo 20 sao cho phần neo 20 được siết chặt ở vị trí đúng của chân người mang và phương pháp quán đúng trên khớp cổ chân của người mang, trong đó thu được phần thân chính 10 có cấu hình dạng số 8.

Phần móc 30 theo phương án này có dạng phẳng là dạng kết hợp của, ví dụ, hình chữ nhật và hình thang cân, như được thể hiện trên Fig.1(b), trong đó phần hình chữ nhật 31 được may vào mặt nền phía sau của phần thân chính 10 và phần hình thang cân 32 nhô ra từ đầu kia 10b của phần thân chính 10. Theo cách này, trong phần móc 30, phần hình thang cân 32 nhô ra từ đầu kia 10b của phần thân chính 10, nhờ đó trở nên mỏng hơn sao cho không chồng lên phần thân chính 10, nhờ đó dễ dàng kẹp phần hình thang cân 32 bằng các ngón tay của người mang, và do đó có thể dễ gắn vào và tháo mặt gai móc 33 ra khi xét đến mặt vòng dính 23 của phần neo 20.

Tiếp theo là phần mô tả phương pháp mang băng dùng cho khớp cổ chân 100 được thể hiện trên các hình vẽ Fig.1, Fig.3, và Fig.4 với việc sử dụng các hình vẽ Fig.6 và Fig.7.

Ngoài ra, trong phần mô tả dưới đây, trường hợp mang băng dùng cho khớp cổ chân 100 trên chân phải của người mang sẽ được mô tả. Tuy nhiên, trong trường hợp mang băng dùng cho khớp cổ chân 100 trên chân trái của người mang, băng

dùng cho khớp cổ chân 100 được thể hiện trên các hình vẽ Fig.8, Fig.9, và Fig.10 được sử dụng, và mang được tiến hành với “chân phải” và “tay trái” trong phần mô tả tiếp theo tương ứng được thay thế bởi “chân trái” và “tay phải”.

Người mang lồng đầu ngón chân của chân phải vào ở phần neo 20 của băng dùng cho khớp cổ chân 100, đẩy phần neo 20 đến phần tương ứng với xương bàn chân, và khớp điểm tâm 24 của phần neo 20 vào tâm của mu bàn chân, như được thể hiện trên Fig.7(a).

Khi đó, người mang kéo phần thân chính 10 trong khi kẹp đầu kia 10b của phần thân chính 10 bằng tay trái và bố trí phần thân chính 10 (phần đỡ thứ nhất 12) ở trạng thái được mở rộng ở mu bàn chân trên vùng từ phía ngón thứ năm đến mắt cá trong của chân phải. Ngoài ra, trạng thái được mở rộng là để chỉ trạng thái có biên kéo dài cho phép người mang điều chỉnh đúng vị trí quần sau khi mang băng dùng cho khớp cổ chân 100.

Tiếp theo, người mang làm cho phần thân chính 10 (phần quần 11) ở trạng thái được mở rộng quay tròn quanh cổ chân bởi một vòng rưỡi theo hướng của mắt cá chân bên ngoài thông qua phần tương ứng với gân Achilles từ mắt cá trong của chân phải bằng cách sử dụng cả hai tay, như được thể hiện trên các hình vẽ Fig.7(b) và Fig.7(c).

Khi đó, người mang bố trí phần thân chính 10 (phần đỡ thứ hai 13) ở trạng thái được mở rộng trên mu bàn chân qua vùng mắt cá chân bên ngoài đến phía ngón thứ nhất của chân phải trong khi kẹp đầu kia 10b của phần thân chính 10 bằng tay trái, như được thể hiện trên Fig.7(d).

Cuối cùng, người mang làm cho mặt gai móc 33 của phần móc 30 mà nằm ở đầu kia 10b của phần thân chính 10 được khớp với mặt vòng dính 23 của phần neo 20 mà nằm ở vòm cong của chân, như được thể hiện trên Fig.6, nhờ đó việc mang được hoàn thiện.

Theo cách này, ở băng dùng cho khớp cổ chân 100, phần móc 30 được móc với phần neo 20 mà nằm ở vòm cong của chân của người mang, nhờ đó có thể đẩy cong vòm lên của chân của người mang, và có thể cải thiện cảm giác khi mang của người mang và cảm giác hiệu quả.

Hơn nữa, ở băng dùng cho khớp cổ chân 100 được thể hiện trên các hình vẽ Fig.1, Fig.3, và Fig.4, trong phương pháp mang băng dùng cho khớp cổ chân 100 được mô tả trên đây, phần thân chính 10 (phần đỡ thứ nhất 12) được bố trí trên vùng từ phía ngón thứ năm đến mắt cá trong của chân phải, và sau đó, phần thân chính 10 (phần quấn 11) được quấn quanh cổ chân ngược chiều kim đồng hồ. Vì lý do này, trong trường hợp mà băng dùng cho khớp cổ chân 100 được thể hiện trên các hình vẽ Fig.1, Fig.3, và Fig.4 được dùng trên chân phải, hướng bắt đầu quấn của phần thân chính 10 (phần đỡ thứ nhất 12) từ phần neo 20 trở thành hướng từ phía ngoài của chân phải đến phía trong thông qua mu bàn chân, và lực được áp dụng trước theo hướng vẹo ra ngoài của vùng chân, và nhờ đó có thể ngăn ngừa bong gân vẹo trong được phát triển khi băng dùng cho khớp mắt cá được xoắn vào phía trong.

Hơn nữa, như cần thiết, trong trường hợp mà băng dùng cho khớp cổ chân 100 được thể hiện trên các hình vẽ Fig.1, Fig.3, và Fig.4 được dùng trên chân trái, hướng bắt đầu quấn của phần thân chính 10 (phần đỡ thứ nhất 12) từ phần neo 20 trở thành hướng từ phía trong của chân trái ra phía ngoài thông qua mu bàn chân, và lực được áp dụng trước theo hướng vẹo trong của vùng chân, và nhờ đó có thể ngăn ngừa bong gân vẹo ra ngoài được phát triển khi băng dùng cho khớp mắt cá được xoắn ra phía ngoài.

Ngược lại, khi xét đến băng dùng cho khớp cổ chân 100 được thể hiện trên các hình vẽ Fig.8, Fig.9, và Fig.10, trong trường hợp mà băng dùng cho khớp cổ chân 100 được dùng trên chân trái, phần thân chính 10 (phần đỡ thứ nhất 12) được bố trí trên vùng từ phía ngón thứ năm đến mắt cá trong của chân trái, và sau đó,

phần thân chính 10 (phần quần 11) được quần quanh cổ chân theo chiều kim đồng hồ. Theo cách này, trong trường hợp mà băng dùng cho khớp cổ chân 100 được thể hiện trên các hình vẽ Fig.8, Fig.9, và Fig.10 được dùng trên chân trái, hướng bắt đầu quần của phần thân chính 10 (phần đỡ thứ nhất 12) từ phần neo 20 trở thành hướng từ phía ngoài của chân trái đến phía trong thông qua mu bàn chân, và lực được tác dụng theo hướng vẹo ra ngoài của vùng chân trước, và nhờ đó có thể ngăn ngừa bong gân vẹo trong được phát triển khi băng dùng cho khớp mắt cá được xoắn vào phía trong.

Hơn nữa, như cần thiết, trong trường hợp mà băng dùng cho khớp cổ chân 100 được thể hiện trên các hình vẽ Fig.8, Fig.9, và Fig.10 được dùng trên chân phải, hướng bắt đầu quần của phần thân chính 10 (phần đỡ thứ nhất 12) từ phần neo 20 trở thành hướng từ phía trong của chân phải ra phía ngoài thông qua mu bàn chân, và lực được áp dụng trước theo hướng vẹo trong của vùng chân, và do đó còn có thể ngăn ngừa bong gân vẹo ra ngoài.

Hơn nữa, băng dùng cho khớp cổ chân 100 được thể hiện trên các hình vẽ Fig.8, Fig.9, và Fig.10 có cấu trúc trong đó đầu này 10a của phần thân chính 10 của băng dùng cho khớp cổ chân 100 được thể hiện trên các hình vẽ Fig.1, Fig.3, và Fig.4 được kết nối vào ở vị trí đối xứng qua đường trên cơ sở của điểm tâm 24 ở phần neo 20.

Tiếp theo, khoảng tối ưu của mức kéo dài tối đa theo hướng sợi dọc ở phần thân chính 10 của băng dùng cho khớp cổ chân 100 theo phương án này sẽ được mô tả dựa trên các kết quả thử nghiệm của thử nghiệm cho dùng thử.

Ngoài ra, trong thử nghiệm cho dùng thử, như được thể hiện trên Fig.1, băng dùng cho khớp cổ chân 100 (sau đây, tương ứng là để chỉ Ví dụ 1, Ví dụ 2, và Ví dụ 3) từng ví dụ được đề xuất với phần thân chính 10 (dài: 50cm, rộng: 5cm) được dệt với vật liệu có chất lượng làm sợi dọc 1 và sợi ngang 2 và số lần nhặt (số lượng) của sợi ngang 2 được thể hiện trong Bảng 1 dưới đây và có mức kéo dài tối

đa bằng 45%, 60%, hoặc 75%, phần neo 20, và phần móc 30 được sản xuất ra và được sử dụng.

Hơn nữa, băng dùng cho khớp cổ chân (sau đây, tương ứng là để chỉ ví dụ so sánh 1 và ví dụ so sánh 2) được sản xuất ra theo cùng cách như trong các ví dụ được nêu trên đây bằng cách sử dụng phần thân chính 10 (dài: 50cm, rộng: 5cm) có mức kéo dài tối đa bằng 35% hoặc 90% và được sử dụng trong thử nghiệm cho dùng thử.

[Bảng 1]

	Chất lượng vật liệu					Số lần nhặt (Số lượng) của sợi ngang [lần/inso]	Mức kéo dài tối đa [%]
	Sợi dọc			Ngang			
	Sợi nền dọc	Sợi nhung	Sợi đàn hồi	Sợi nền ngang	Sợi quang		
Ví dụ 1	WN100/2	210D- 10F	560D	EW150D	Elder100D	42,3	45
Ví dụ 2	WN100/2	210D- 10F	560D	EW150D	Elder100D	36,9	60
Ví dụ 3	WN100/2	210D- 10F	560D	EW150D	Elder100D	33,8	75
Ví dụ so sánh 1	WN100/2	210D- 10F	560D	EW150D	Elder100D	42,3	35
Ví dụ so sánh 2	WN100/2	210D- 10F	560D	EW150D	Elder100D	30,8	90

Trong thử nghiệm cho dùng thử, băng dùng cho khớp cổ chân được dùng trên chân phải của người mang, như được thể hiện trên Fig.6, và đánh giá bằng cảm giác (tổng số là 5 người) về cảm giác hiệu quả của người mang ở các khoản mục đánh giá trên Fig.13 được tiến hành. Theo một phương pháp đánh giá, trước tiên, đánh giá bằng cảm giác đối với từng khoản mục đánh giá trong từng người mang được lấy điểm trong 3 giai đoạn (3: rất tốt, 2: tốt, và 1: kém), và điểm số trung bình của tất cả những người mang (5 người) trong từng khoản mục đánh giá được tính toán. Sau đó, xét đến các ví dụ từ 1 đến 3 và các ví dụ so sánh 1 và 2, tổng điểm và điểm số trung bình của từng khoản mục đánh giá được tính toán, và

một cách toàn diện, điểm số trung bình của hai hoặc nhiều điểm hơn được xác định làm dấu hiệu đi qua.

Hơn nữa, khi xét đến khoản mục đánh giá “lực cố định” trên Fig.13, nếu nó là lực hạn chế về khoảng chuyển động của cơ gấp lòng bàn chân hoặc cơ gấp lưng bàn chân của khớp cổ chân, giới hạn về khoảng chuyển động của cơ gấp lòng bàn chân hoặc cơ gấp lưng bàn chân ở cổ chân sử dụng lực nhiều hơn cần thiết trong chuyển động như là đi bộ, chạy, hoặc lên và xuống thang được giả thiết. Hơn nữa, nếu nó là lực hạn chế các khoảng chuyển động khi vẹo trong và vẹo ra ngoài của vùng chân, trường hợp sử dụng lực nhiều hơn cần thiết ở thời điểm của bước phụ trong quá trình chơi thể thao, chuyển động dừng ở thời điểm va chạm, hoặc chuyển động hàng ngày như là giữ ở ngoài vị trí không thích hợp như là bước, hoặc giới hạn của chuyển động vượt quá giới hạn ở trong khoảng chuyển động được giả thiết.

Hơn nữa, khi xét đến khoản mục đánh giá “đau” trên Fig.13, nếu đó là việc đau do lực ép của vải, trong trường hợp mà mức kéo dài tối đa của vải là nhỏ, vải không thể tuân theo chuyển động của cơ hoặc khớp hoặc sự giãn ra và co lại của da, và lực ép cảm thấy mạnh hơn, và do đó được xem là việc đau dễ cảm thấy, và trong trường hợp mà mức kéo dài tối đa của vải là lớn, được xem là lực cố định để hạn chế khoảng chuyển động trở nên yếu hơn.

Hơn nữa, nếu việc đau vì cọ xát do độ cứng của vải, trong trường hợp mà mức kéo dài tối đa của vải là nhỏ, vải không thể tuân theo chuyển động của cơ hoặc da, và do đó, sự cọ xát xuất hiện giữa vải và da, và do đó được xem là việc đau dễ cảm thấy, và trong trường hợp mà mức kéo dài tối đa của vải là lớn, vải mở rộng sao cho tuân theo cơ hoặc da, và do đó, được xem là vấn đề đáng lo ngại cho da là ít đi.

Hơn nữa, khi xét đến khoản mục đánh giá “dễ dàng bóc tách băng gai dính” trên Fig.13, băng gai dính dễ được bóc tách ra là để chỉ rằng, thậm chí người mang

không có khả năng, không có khó khăn trong việc sử dụng băng gai dính và chính vải có mặt vòng dính của băng gai dính là cứng, nhờ đó khó bị mất dạng.

Hơn nữa, băng gai dính là không dễ được bóc tách ra nghĩa là ở thời điểm chuyển động của người mang, không có trường hợp mà mặt gai móc của băng gai dính bị tách rời khỏi mặt vòng dính do chuyển động của khớp hoặc sự giãn ra của cơ ở vị trí trên đó băng được dùng, trong khi sợi nhung được kéo ra từ vải có mặt vòng dính của băng gai dính nhờ vào lực khớp khoẻ giữa mặt gai móc và mặt vòng dính của băng gai dính, và do đó, trong trường hợp mà băng gai dính được bóc tách ra, sợi nhung nhô ra từ vải, do đó gây ra xù lông ở vải.

Hơn nữa, khi xét đến khoản mục đánh giá “đặc tính tiếp xúc gần của vải” trên Fig.13, trong trường hợp mà mức kéo dài tối đa của vải là nhỏ, vải không thể tuân theo chuyển động của cơ hoặc da, và do đó, vải không đi vào tiếp xúc gần với da và khả năng chịu đựng của da là giảm, và do đó được xem là hiệu quả của băng bị yếu đi, và trong trường hợp mà mức kéo dài tối đa của vải là lớn, vải dễ được cố định khi tiếp xúc gần với da và ăn khớp với chuyển động của da hoặc cơ, và do đó được xem là dễ dàng thu được hiệu quả của băng.

Hơn nữa, khi xét đến khoản mục đánh giá “dễ dàng quấn” trên Fig.13, trong trường hợp mà mức kéo dài tối đa của vải là nhỏ, vải khó tương thích với bề mặt cong của da, và do đó khó quấn quanh phần thân chính 10. Hơn nữa, trong trường hợp mà mức kéo dài tối đa của vải là lớn, vải dễ được cố định khi tiếp xúc gần với da và dễ ăn nhập với chuyển động của da hoặc cơ. Tuy nhiên, để mang băng có hiệu quả, cần thiết quấn quanh phần thân chính 10 trong khi mở rộng nó hoàn toàn. Tuy nhiên, nếu phần thân chính 10 được mở rộng hoàn toàn, khoảng cách giữa tay giữ đầu kia 10b của phần thân chính 10 và phần neo 20 trở nên dài hơn, và do đó, việc mang và quấn phần trên băng dùng cho khớp mắt cá trở nên khó. Hơn nữa, trở nên khó cố định đầu kia 10b của phần thân chính 10 đến vị trí được xác định trước của phần neo 20, và do đó, chuyển động để quấn quanh phần thân chính 10 trong

khi việc tiến hành nên được tìm cách sao cho có khả năng cố định đầu kia 10b của phần thân chính 10 đến vị trí được xác định trước được diễn ra.

Hơn nữa, khi xét đến khoản mục đánh giá “dễ điều chỉnh lực cố định” trên Fig.13, trong trường hợp mà mức kéo dài tối đa của vải là nhỏ, thì việc cố định mạnh là phù hợp. Tuy nhiên, khoảng giá trị điều chỉnh được của lực cố định là hẹp, và do đó, việc điều chỉnh lực cố định trở nên khó đối với người mang không có khả năng.

Hơn nữa, khi xét đến khoản mục đánh giá “khó gấp vải” trên Fig.13, trong trường hợp mà mức kéo dài tối đa của vải là nhỏ, kết cấu đóng, và do đó, còn có cả tính cứng nhắc của vải, và do đó khó gấp vải. Hơn nữa, trong trường hợp mà mức kéo dài tối đa của vải là lớn, kết cấu thô, và do đó, vải có kiểu dệt dễ gấp, và vì vậy được xem là do vải gấp được, cấu trúc của phần thân chính 10 bị yếu đi.

Ở các khoản mục đánh giá như được mô tả trên đây, trong ví dụ 2, các kết quả đánh giá tốt thu được trong hầu hết tất cả các khoản mục đánh giá, như được thể hiện trên Fig.13.

Hơn nữa, trong ví dụ 3, mặc dù lực cố định yếu, các kết quả đánh giá tốt thu được ở các khoản mục đánh giá khác.

Hơn nữa, trong ví dụ 1, mặc dù có bị đau và đặc tính tiếp xúc gần của vải là kém, các kết quả đánh giá tốt thu được ở các khoản mục đánh giá khác. Ngược lại, trong ví dụ so sánh 1 và ví dụ so sánh 2, các kết quả đánh giá thu được theo hầu hết các khoản mục đánh giá là kém.

Từ phần trên đây, là kết quả đánh giá tổng thể, phát hiện ra là Ví dụ 1 (mức kéo dài tối đa: 45%), Ví dụ 2 (mức kéo dài tối đa: 60%), và Ví dụ 3 (mức kéo dài tối đa: 75%), trong đó điểm số trung bình bằng 2 điểm hoặc nhiều hơn, là tối ưu làm phần thân chính 10.

Cụ thể, khi xét đến mức kéo dài tối đa theo hướng sợi dọc ở phần thân chính 10 của băng dùng cho khớp cổ chân 100 theo phương án này, mức độ kéo dài tối đa nằm trong khoảng từ 40 đến 80% được ưu tiên, tốt hơn là nằm trong khoảng từ 45 đến 75%, và tốt nhất là bằng 60%.

Tiếp theo là phần mô tả phần neo 20 của băng dùng cho khớp cổ chân 100 theo phương án này, dựa trên các kết quả thử nghiệm của thử nghiệm tuổi thọ (độ bền bóc tách) có băng gai dính.

Ngoài ra, trong thử nghiệm tuổi thọ (độ bền bóc tách) có băng gai dính, trên cơ sở của ví dụ 2 (phần neo 20 trong đó mức kéo dài tối đa theo hướng sợi dọc là bằng 60%) trong đó các kết quả thoả mãn nhất thu được từ các kết quả đánh giá ở đánh giá bằng cảm giác được mô tả trên đây, việc so sánh với vải có khả năng căng ra khác được tiến hành. Hơn nữa, làm ví dụ so sánh, vải có khả năng căng ra có trên thị trường (sau đây, tương ứng là để chỉ ví dụ so sánh 3, ví dụ so sánh 4, và ví dụ so sánh 5) được tạo với vật liệu có chất lượng làm sợi dọc 1 và sợi ngang 2 và số lần nhặt (số lượng) của sợi ngang 2 được thể hiện trong Bảng 2 dưới đây được sử dụng. Ngoài ra, ví dụ so sánh 3 không có mặt vòng dính làm băng gai dính, và do đó, ví dụ so sánh 3 là không được đề xuất với sợi nhưng ở sợi dọc và sợi ngang ở sợi ngang.

[Bảng 2]

	Chất lượng vật liệu					Số lần nhặt (Số lượng) của sợi ngang [lần/ inơ]	Độ dày [mm]	Độ cứng	Mức kéo dài tối đa [%]
	Sợi dọc			Ngang					
	Sợi nền dọc	Sợi nhung	Sợi đàn hồi	Sợi nền ngang	Sợi quang				

Ví dụ 2	WN100/2	210D-10F	560D	EW150D	Elder 100D	36,9	2,1	Hơi mềm	60
Ví dụ so sánh 3	WN100/2	-	1120D	Sợi nylon đơn Số 1	-	37,0	1,7	Mềm	130
Ví dụ so sánh 4	WN100/2	210D-7F	1120D	EW300D	Elder 100D	43,6	2,2	Bình thường	90
Ví dụ so sánh 5	WN100/2	210D-15F	1120D	EW300D	Elder 100D	25,8	3,3	Cứng	100

Hơn nữa, chênh lệch chính giữa ví dụ 2 và các ví dụ so sánh từ 3 đến 5 là sự chênh lệch về chỉ số sợi tơ của sợi nhung, trong đó ví dụ 2 có 10 đoạn sợi tơ, trong khi ví dụ so sánh 4 có 7 đoạn sợi tơ, ví dụ so sánh 5 có 15 đoạn sợi tơ, và ví dụ so sánh 3 không sử dụng sợi nhung (không có mặt vòng dính của băng gai dính).

Thử nghiệm tuổi thọ (độ bền bóc tách) có băng gai dính dựa trên Các tiêu chuẩn Công nghiệp của Nhật Bản JIS L3416, "Băng gai dính" hay "Băng nhám", 7.4.2 "độ bền bóc tách", và các kết quả thực nghiệm thu được bằng cách tiến hành lặp lại việc bám dính và bóc tách 1000 lần được thể hiện trong Bảng 3 dưới đây.

[Bảng 3]

	Độ rộng hiệu quả của băng gai dính [cm]	Độ bền bóc tách [N/cm]		Tỷ lệ duy trì [%] (độ bền bóc tách sau khi thử nghiệm tuổi thọ/độ bền bóc tách khởi đầu×100)	Thay đổi về hình thức sau khi thử nghiệm tuổi thọ
Ví dụ 2	4,7	Khởi đầu	0,358	181	Mức kéo dài vòng mà ít đi (so với ví dụ so sánh 5) được ghi nhận.
		Sau khi thử nghiệm tuổi thọ	0,649		
Ví dụ so sánh 3	4,8	Khởi đầu	0,996	83	Xù lông mạnh được ghi nhận.
		Sau khi thử nghiệm tuổi thọ	0,825		
Ví dụ so sánh 4	4,7	Khởi đầu	0,281	90	Thay đổi nhận thấy được không được ghi nhận.
		Sau khi thử nghiệm tuổi thọ	0,254		
Ví dụ so sánh 5	2,8	Khởi đầu	0,326	165	Mức kéo dài vòng nhỏ được ghi nhận.
		Sau khi thử nghiệm tuổi thọ	0,537		

Trong ví dụ 2, như được thể hiện trong Bảng 3, tỷ lệ duy trì (tỷ lệ phần trăm độ bền bóc tách sau khi thử nghiệm tuổi thọ so với độ bền bóc tách khởi đầu) là cao nhất, so với các ví dụ so sánh từ 3 đến 5, và do đó phát hiện ra là Ví dụ 2 là tối ưu làm phần neo 20 được sử dụng ở băng dùng cho khớp cổ chân 100 được quấn quanh khớp cổ chân và sau đó được khớp bằng các móc của băng gai dịnh.

Cụ thể, trong ví dụ 2, độ bền bóc tách sau khi thử nghiệm tuổi thọ trở nên lớn hơn khi xét đến độ bền bóc tách khởi đầu (tỷ lệ duy trì vượt quá 100%), và do đó, Ví dụ 2 là ưu điểm khi xét đến việc tiếp tục sử dụng trong thời gian dài sử dụng làm băng dùng cho khớp cổ chân 100.

Hơn nữa, chỉ số sợi tơ của sợi nhung cao là để chỉ rằng các móc của băng gai dịnh dễ dàng được móc với các vòng và tỷ lệ duy trì được gia tăng, trong khi mức kéo dài tối đa được hạ thấp.

Trong ví dụ so sánh 5, chỉ số sợi tơ của sợi nhung là cao hơn so với chỉ số sợi tơ của sợi nhung ở ví dụ 2. Tuy nhiên, việc xử lý nhựa được áp dụng để ngăn ngừa xù lông là hình thức bên ngoài, và do đó, nó trở nên khó đối với các móc của băng gai dịnh để được móc với các vòng, và độ bền bóc tách khởi đầu và tỷ lệ duy trì trở nên thấp hơn so với độ bền bóc tách khởi đầu và tỷ lệ duy trì ở ví dụ 2.

Như được mô tả trên đây, băng dùng cho khớp cổ chân 100 làm cố định khớp xương sên-đùi của người mang bằng cách tạo kết cấu dạng số 8 với phần thân chính 10, thiết lập lên tương thích khớp, làm ổn định khớp cổ chân, và ngăn chặn (khóa gót chân) cheo cổ chân của người mang trong quá trình đi bộ, nhờ đó ngăn ngừa bong gân vẹo trong hoặc loại bỏ được sự mất ổn định hoặc tương tự ở thời điểm đứng trên một chân, và do đó có thể đỡ ổn định cho việc đi bộ của người mang.

Hơn nữa, dạng số 8 ở phần thân chính 10 hỗ trợ cơ gấp lưng bàn chân hãm chèn khớp cổ chân, nhờ đó có khả năng dẫn trọng tâm của người mang theo hướng

của đầu ngón chân và hỗ trợ việc đi bộ của người mang. Hơn nữa, dạng số 8 ở phần thân chính 10 có thể làm ổn định băng dùng cho khớp cổ chân của người mang và thực hiện hỗ trợ để hấp thụ tác động (làm mất đi ảnh hưởng) từ sợi nền (nền) trong giai đoạn khởi đầu của pha đứng (giai đoạn trong đó chân trong quá trình đi bộ có tiếp xúc với sợi nền).

Cụ thể, băng dùng cho khớp cổ chân 100 cho sự vận hành và tác dụng mà có thể thể hiện cho hấp thụ tác động trong giai đoạn khởi đầu của pha đứng và lực đẩy qua giai đoạn từ giai đoạn trung gian đến giai đoạn sau đó của pha đứng và cho phép thu được độ ổn định của khớp cổ chân bằng cách hãm trái và phải (vẹo trong và vẹo ra ngoài).

Hơn nữa, băng dùng cho khớp cổ chân 100 cho sự vận hành và tác dụng mà hỗ trợ khớp cổ chân của người mang, nhờ đó có khả năng làm dịu việc đau của gân Achilles, mệt và việc đau của cơ ba đầu cẳng chân, và việc đau của phía ngoài (dây chằng) của khớp cổ chân.

Hơn nữa, ở băng dùng cho khớp cổ chân 100 được thể hiện trên Fig.2, ví dụ, sợi xanh được sử dụng đối với sợi nền dọc 1a của sợi dọc 1 ở phần thân chính 10 và phần neo 20, sợi đen được sử dụng đối với sợi ngang 1b của sợi dọc 1 ở phần thân chính 10 và phần neo 20, sợi đen được sử dụng đối với sợi đàn hồi 1c của sợi dọc 1 ở phần thân chính 10 và phần neo 20, sợi đen được sử dụng đối với sợi ngang 2 của phần thân chính 10 và phần neo 20, và như được thể hiện trên Fig.12, khi xét đến sợi ngang được chia xẻ 2, sợi nền dọc 1a được tạo để nổi và sợi ngang 1b được tạo để chìm, nhờ đó mẫu hình màu xanh lá cây 14 được hình thành trên mặt nền đen phía trước và các phần của mặt nền phía sau của phần thân chính 10 và phần neo 20, mà tương ứng với mẫu hình 14 của mặt nền phía trước của phần thân chính 10 và phần neo 20, xuất hiện là đen trên mặt nền xanh lá cây phía sau của phần thân chính 10 và phần neo 20.

Hơn nữa, ở băng dùng cho khớp cổ chân 100, không có giới hạn về các màu này, và ví dụ, nhận thức được rằng sợi có màu bất kỳ trong các màu từ 7 màu (đỏ, cam, vàng, xanh lá cây, xanh da trời, chàm, và tím) mà là cầu vòng màu được sử dụng đối với sợi nhung 1b của sợi dọc 1 của từng phần trong số phần thân chính 10 và phần neo 20 và mặt nền phía trước ngoại trừ đối với mẫu hình 14 của từng phần trong số phần thân chính 10 và phần neo 20 được tạo để có màu bất kỳ trong các màu của cầu vòng màu. Theo cách này, băng dùng cho khớp cổ chân 100 có thể kích lệ sự bằng lòng (tự nguyện) của người tiêu dùng để mua với các nhóm sản phẩm với biến thiên màu từ 7 màu cầu vòng.

Hơn nữa, ở băng dùng cho khớp cổ chân 100, ví dụ, mặt nền phía trước ngoại trừ đối với mẫu hình 14 của từng phần trong số phần thân chính 10 và phần neo 20 được tạo để có màu huỳnh quang bằng cách sử dụng sợi được tạo màu huỳnh quang đối với sợi nhung 1b của sợi dọc 1 của từng phần trong số phần thân chính 10 và phần neo 20, nhờ đó khuyến khích sự bằng lòng (tự nguyện) của người tiêu dùng để mua, và băng dùng cho khớp cổ chân 100 được dùng trong quá trình đi ra ngoài vào ban đêm, nhờ đó nhìn thấy được bằng cách chiếu sáng bằng đèn trước của xe ô tô hoặc tương tự, và do đó có thể mong đợi là thể hiện tính an toàn và cả ngăn ngừa tai họa.

Hơn nữa, trường hợp mà phần thân chính 10 theo phương án này có mặt vòng dính 10c của băng gai dính đã được mô tả. Tuy nhiên, như được thể hiện trên Fig.14, vải có khả năng căng ra mà không có mặt vòng dính 10c của băng gai dính cũng chấp nhận được.

Trong trường hợp này, phần thân chính 10 không cần sợi nhung 1b hình thành nên mặt vòng dính 10c và không cần sợi quang 2b giữ các vòng bằng sợi nhung 1b.

Cụ thể, phần thân chính 10 theo phương án này sử dụng, thay cho sợi nhung 1b tạo cấu hình sợi dọc 1, sợi nền dọc 1a (sau đây gọi là sợi nền dọc thứ hai 1d)

trong đó kiểu nổi-chìm khi xét đến sợi ngang 2 được đảo lại so với kiểu ở sợi nền là sợi dọc 1a được mô tả trên đây (sau đây gọi là sợi nền dọc thứ nhất 1a).

Cụ thể, sợi dọc 1 được tạo ra với sợi nền dọc thứ nhất 1a mà tạo kết cấu một mặt (ví dụ, mặt nền phía sau) của vải cùng với sợi ngang 2, sợi đàn hồi 1c mà cho khả năng căng ra theo hướng sợi dọc, và sợi nền dọc thứ hai 1d mà tạo cấu hình mặt khác (ví dụ, mặt nền phía trước) của vải cùng với sợi ngang 2, như được thể hiện trên Fig.15.

Hơn nữa, sợi ngang 2 được tạo ra với sợi nền ngang 2a mà tạo kết cấu mặt nền phía sau của vải cùng với sợi nền dọc thứ nhất 1a.

Hơn nữa, trên các hình vẽ Fig.15(b) và 16(b), trên cơ sở của các sợi ngang 2 được tạo ra song song, phía trên là mặt nền phía trước và phía dưới là mặt nền phía sau.

Hơn nữa, ở phần thân chính 10, mẫu hình 14 được hình thành từ các cấu hiệu, các hình dạng, các biểu tượng, hoặc dạng kết hợp của chúng có thể được hình thành một phần trong mặt nền phía trước theo kiểu dệt hình được mở tự do, bằng cách làm cho sợi nền dọc thứ nhất 1a (ví dụ, sợi xanh lá cây) của sợi dọc 1 nổi vào phía mặt nền phía trước (và làm cho sợi nền dọc thứ hai 1d (ví dụ, sợi đen) chìm vào phía mặt nền sau phía của sợi) so với nhiều sợi ngang 2 liền kề với nhau theo hướng sợi dọc (hướng theo chiều dài L) bằng cách sử dụng máy dệt kim hình.

Tiếp theo, một ví dụ về kiểu dệt vải theo phương án này sẽ được mô tả với việc tham khảo đến Fig.15. Cụ thể, sợi nền dọc thứ nhất 1a tạo kết cấu kiểu dệt vải bằng cách lặp lại kiểu nổi-chìm 1-3 khi xét đến sợi ngang 2 (sợi nền ngang 2a), trong đó sợi nền dọc thứ nhất 1a nổi do vậy mà đi qua ở phía trên so với đoạn đơn của sợi ngang 2 (sợi nền ngang 2a) và chìm do vậy mà đi qua ở phía dưới so với 3 đoạn sợi ngang 2 (sợi nền ngang 2a) liền kề với nhau, như được thể hiện trên Fig.15(b).

Hơn nữa, sợi đàn hồi 1c tạo kết cấu kiểu dệt vải bằng cách lặp lại kiểu nổi-chìm 1-1 khi xét đến sợi ngang 2 (sợi nền ngang 2a), trong đó sợi đàn hồi 1c nổi do vậy mà đi qua ở phía trên so với đoạn đơn của sợi ngang 2 (sợi nền ngang 2a) và chìm do vậy mà đi qua ở phía dưới so với đoạn đơn của sợi ngang 2 (sợi nền ngang 2a), như được thể hiện trên Fig.15(b).

Hơn nữa, sợi nền dọc thứ hai 1d tạo kết cấu kiểu dệt vải bằng cách lặp lại kiểu nổi-chìm 3-1 khi xét đến sợi ngang 2 (sợi nền ngang 2a), trong đó sợi nền dọc thứ hai 1d nổi do vậy mà đi qua ở phía trên so với 3 đoạn sợi ngang 2 (sợi nền ngang 2a) liền kề với nhau và chìm do vậy mà đi qua ở phía dưới so với đoạn đơn của sợi ngang 2 (sợi nền ngang 2a), như được thể hiện trên Fig.15(b).

Ngoài ra, kiểu dệt vải được tạo ra từ sợi nền dọc thứ nhất 1a, sợi đàn hồi 1c, và sợi nền dọc thứ hai 1d được thể hiện trên Fig.15 là một ví dụ, và không có giới hạn về kiểu dệt vải này.

Tiếp đến là một ví dụ về kiểu dệt vải của phần mẫu hình theo phương án này sẽ được mô tả với việc tham khảo đến Fig.16. Cụ thể, sợi nền dọc thứ nhất 1a hình thành nên mẫu hình 14 tạo kết cấu kiểu dệt vải bằng cách lặp lại kiểu nổi-chìm 3-1 khi xét đến sợi ngang 2 (sợi nền ngang 2a), trong đó sợi nền dọc thứ nhất 1a nổi do vậy mà đi qua ở phía trên so với 3 đoạn sợi ngang 2 (sợi nền ngang 2a) liền kề với nhau và chìm do vậy mà đi qua ở phía dưới so với đoạn đơn của sợi ngang 2 (sợi nền ngang 2a), như được thể hiện trên Fig.16(b).

Hơn nữa, sợi đàn hồi 1c hình thành nên mẫu hình 14 tạo kết cấu kiểu dệt vải bằng cách lặp lại kiểu nổi-chìm 1-1 khi xét đến sợi ngang 2 (sợi nền ngang 2a), trong đó sợi đàn hồi 1c nổi do vậy mà đi qua ở phía trên so với đoạn đơn của sợi ngang 2 (sợi nền ngang 2a) và chìm do vậy mà đi qua ở phía dưới so với đoạn đơn của sợi ngang 2 (sợi nền ngang 2a), như được thể hiện trên Fig.16(b).

Hơn nữa, sợi nền dọc thứ hai 1d hình thành nên mẫu hình 14 tạo kết cấu kiểu dệt vải bằng cách lặp lại kiểu nổi-chìm 1-3 khi xét đến sợi ngang 2 (sợi nền ngang 2a), trong đó sợi nền dọc thứ hai 1d nổi do vậy mà đi qua ở phía trên so với đoạn đơn của sợi ngang 2 (sợi nền ngang 2a) và chìm do vậy mà đi qua ở phía dưới so với 3 đoạn sợi ngang 2 (sợi nền ngang 2a) liên kề với nhau, như được thể hiện trên Fig.16(b).

Ngoài ra, kiểu dệt vải được tạo ra từ sợi nền dọc thứ nhất 1a, sợi đàn hồi 1c, và sợi nền dọc thứ hai 1d được thể hiện trên Fig.16 là một ví dụ, và chỉ cần là có thể hình thành mẫu hình 14 trong mặt nền phía trước, mà không có giới hạn về kiểu dệt vải này.

Dưới đây là phần mô tả phương án, trong đó phần thân chính 10 là vải có khả năng căng ra mà không có mặt vòng dính 11 có băng gai dính và mức kéo dài tối đa của phần thân chính 10 được cài đặt để bằng 60% ($1,60 \pm 0,1$).

So với từng sợi trong số sợi nền dọc thứ nhất 1a và sợi nền dọc thứ hai 1d của phần thân chính 10 theo phương án này, sợi đôi len nylon có độ dày bằng 100 đơniê được ưu tiên, và ở phần thân chính 10 theo phương án này, tốt hơn là sử dụng 152 đoạn sợi đôi len nylon đối với từng sợi trong số sợi nền dọc thứ nhất 1a và sợi nền dọc thứ hai 1d.

Hơn nữa, khi xét đến sợi đàn hồi 1c của phần thân chính 10 theo phương án này, sợi phủ thu được bằng cách phủ sợi polyuretan (ví dụ, sợi polyuretan đàn hồi “sợi Lycra (nhãn hiệu đã được đăng ký)” là sản phẩm của Toray Opelontex Co., Ltd.) có độ dày bằng 560 đơniê với 2 đoạn sợi đơn len polyeste (EW) từng sợi có độ dày bằng 150 đơniê được ưu tiên, và ở phần thân chính 10 theo phương án này, tốt hơn là sử dụng 41 đoạn sợi phủ.

Hơn nữa, khi xét đến sợi nền ngang 2a của phần thân chính 10 theo phương án này, tốt hơn là sử dụng đoạn đơn của sợi len polyeste (EW) có độ dày bằng 150 đoniê.

Hơn nữa, ở phần thân chính 10 theo phương án này, đoạn đơn của sợi nền ngang 2a được nhặt làm sợi ngang 2 bởi máy dệt, và số lần nhặt (số lượng) của sợi ngang 2 (sợi nền ngang 2a) bằng 33,6 lần (33,6 đoạn) trên 2,54cm (1 inso).

Theo cách này, ở phần thân chính 10 theo phương án này, với vật liệu có chất lượng làm sợi dọc 1 và sợi ngang 2 (cụ thể, độ dày của sợi đàn hồi 1c và sợi nền ngang 2a) được mô tả trên đây và số lần nhặt (số lượng) của sợi ngang 2 được mô tả trên đây, có thể cài đặt mức kéo dài tối đa theo hướng sợi dọc (hướng theo chiều dài L) để bằng 60%.

Hơn nữa, phần thân chính 10 theo phương án này có tỷ lệ hỗn hợp của nylon: 47%, polyeste: 44%, và polyuretan: 9%. Tuy nhiên, không có giới hạn về tỷ lệ hỗn hợp này.

Hơn nữa, trường hợp mà băng dùng cho khớp cổ chân 100 theo phương án này được quần trực tiếp trên da trần đã được mô tả. Tuy nhiên, khi xét đến khớp cổ chân mà trên đó, ví dụ, chi tiết đỡ khớp chân được bộc lộ trong Công bố Quốc tế số WO2011/090193 hoặc miếng lót (phủ chân, tất, tất dài, hoặc tất siết và quần tất dài) được dùng, băng dùng cho khớp cổ chân 100 được quần trên chi tiết đỡ khớp chân hoặc miếng lót, nhờ đó loại bỏ được sự trượt của băng dùng cho khớp cổ chân 100 so với da trần, nhờ đó có thể cải thiện vận hành và tác dụng của băng dùng cho khớp cổ chân 100.

Hơn nữa, trong trường hợp mà băng dùng cho khớp cổ chân 100 được quần trên miếng lót, còn có thể đề xuất băng dùng cho khớp cổ chân 100 và miếng lót làm một bộ.

Hơn nữa, trong trường hợp mà băng dùng cho khớp cổ chân 100 được quấn trên miếng lót (miếng lót trong đó mức kéo dài tối đa tốt hơn là thấp), là một dấu hiệu của băng dùng cho khớp cổ chân 100, phần neo 20 của băng dùng cho khớp cổ chân 100 được loại ra khỏi phần thân chính 10 và đầu này 10a của phần thân chính 10 được may vào bề mặt ngoài hoặc bề mặt trong ở đường biên giữa phần mu bàn chân và phần lòng bàn chân của miếng lót, nhờ đó có thể làm cho phần đầu ngón chân của miếng lót có chức năng làm phần neo 20.

YÊU CẦU BẢO HỘ

1. Băng dùng cho khớp cổ chân, băng này bao gồm:

phần thân chính dạng dải là vải dệt và được tạo ra từ phần quần được quấn quanh cổ chân của người mang, phần đỡ thứ nhất được bố trí từ mu bàn chân đến cổ chân của người mang, và phần đỡ thứ hai được bố trí từ cổ chân đến mu bàn chân của người mang để đi ngang qua phần đỡ thứ nhất ở phần trên của mu bàn chân của người mang;

phần neo được kết nối vào đầu này của phần thân chính, là vải dệt có mặt vòng dính của băng gai dính, và được siết chặt quanh phần tương ứng với xương bàn chân của người mang; và

phần móc được kết nối vào đầu kia của phần thân chính và có mặt gai móc của băng gai dính, mà gắn tháo ra được vào mặt vòng dính của phần neo,

trong đó phần neo và phần thân chính được kết nối vào nhau với góc giữa hướng theo chu vi của phần neo và hướng theo chiều dài của phần thân chính nằm trong khoảng từ 145 đến 165°.

2. Băng dùng cho khớp cổ chân, băng này bao gồm:

phần thân chính dạng dải là vải dệt và được tạo ra từ phần quần được quấn quanh cổ chân của người mang, phần đỡ thứ nhất được bố trí từ mu bàn chân đến cổ chân của người mang, và phần đỡ thứ hai được bố trí từ cổ chân đến mu bàn chân của người mang để đi ngang qua phần đỡ thứ nhất ở phần trên của mu bàn chân của người mang;

phần neo được kết nối vào đầu này của phần thân chính, là vải dệt có mặt vòng dính của băng gai dính, và được siết chặt quanh phần tương ứng với xương bàn chân của người mang; và

phần móc được kết nối vào đầu kia của phần thân chính và có mặt gai móc của băng gai dính, mà gắn tháo ra được vào mặt vòng dính của phần neo,

trong đó phần kết nối giữa phần neo và đầu này của phần thân chính được may lồi vào phía đầu kia của phần thân chính sao cho trở nên dài hơn so với độ dài theo hướng chiều rộng của phần thân chính.

3. Băng dùng cho khớp cổ chân theo điểm 1 hoặc 2, trong đó phần đỡ thứ nhất được tạo ra ở phía đầu này của phần thân chính, phần đỡ thứ hai được tạo ra ở phía đầu kia của phần thân chính, phần quần được tạo ra giữa phần đỡ thứ nhất và phần đỡ thứ hai, và phần đỡ thứ nhất, phần quần, và phần đỡ thứ hai có dạng đường thẳng với cùng độ rộng.

4. Băng dùng cho khớp cổ chân theo điểm bất kỳ trong số các điểm từ 1 đến 3, trong đó mức kéo dài tối đa theo hướng theo chiều dài của phần thân chính nằm trong khoảng từ 40 đến 80%.

5. Băng dùng cho khớp cổ chân theo điểm bất kỳ trong số các điểm từ 1 đến 4, trong đó phần neo có dạng ống cơ bản là hình nón.

6. Băng dùng cho khớp cổ chân theo điểm bất kỳ trong số các điểm từ 1 đến 5, trong đó mẫu hình được hình thành từ các dấu hiệu, các hình dạng, các biểu tượng, hoặc dạng kết hợp của chúng được tạo ra ở mặt nền phía trước của phần thân chính.

7. Bộ băng dùng cho khớp cổ chân bao gồm:

băng dùng cho khớp cổ chân theo điểm bất kỳ trong số các điểm từ 1 đến 6; và

chi tiết đỡ hoặc miếng lót mà được tạo kết cấu để được đeo vào khớp cổ chân của người mang,

trong đó phần thân chính của băng dùng cho khớp cổ chân được tạo kết cấu để được quần lên chi tiết đỡ hoặc miếng lót.

Fig.1

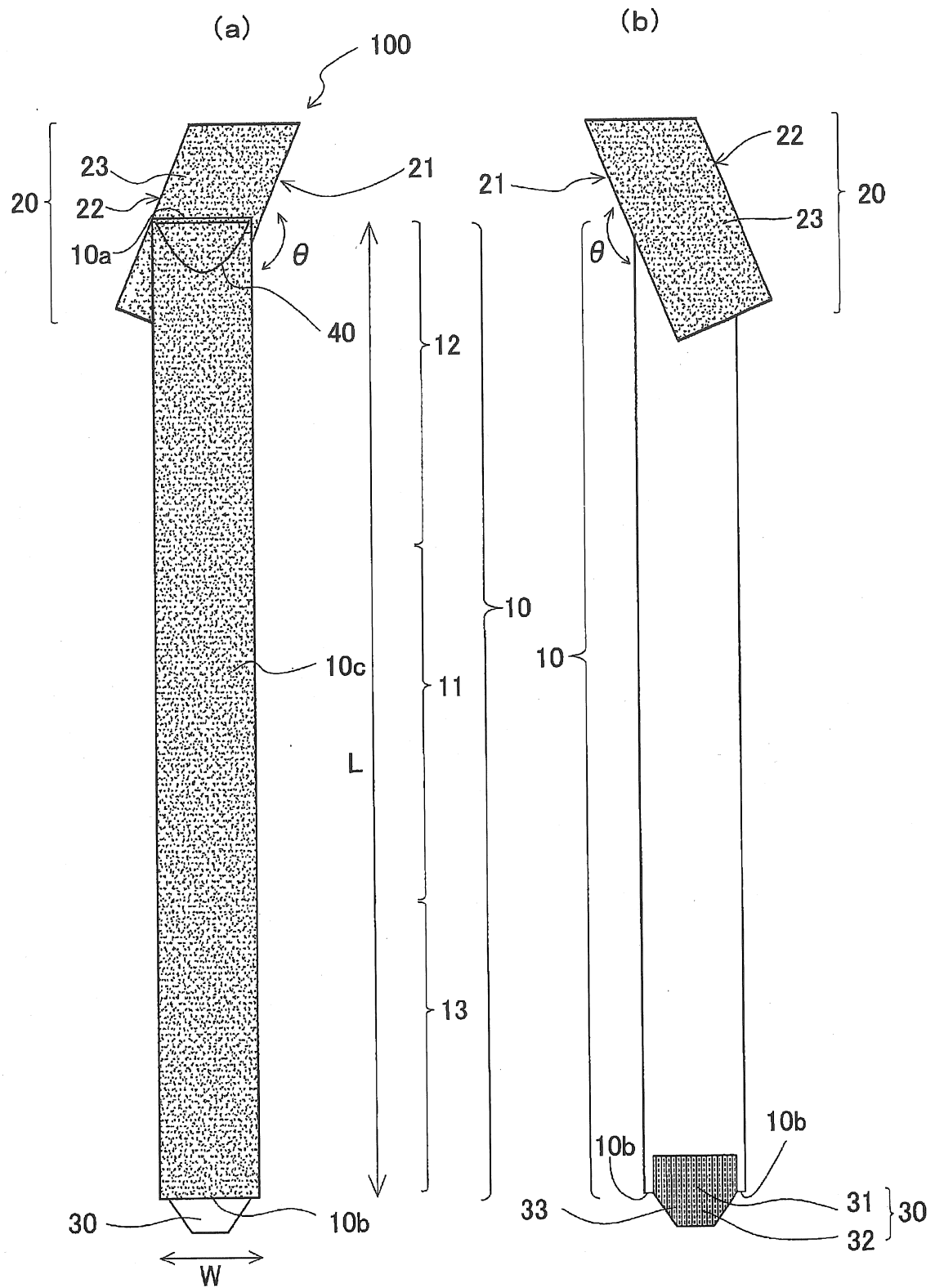


Fig.2

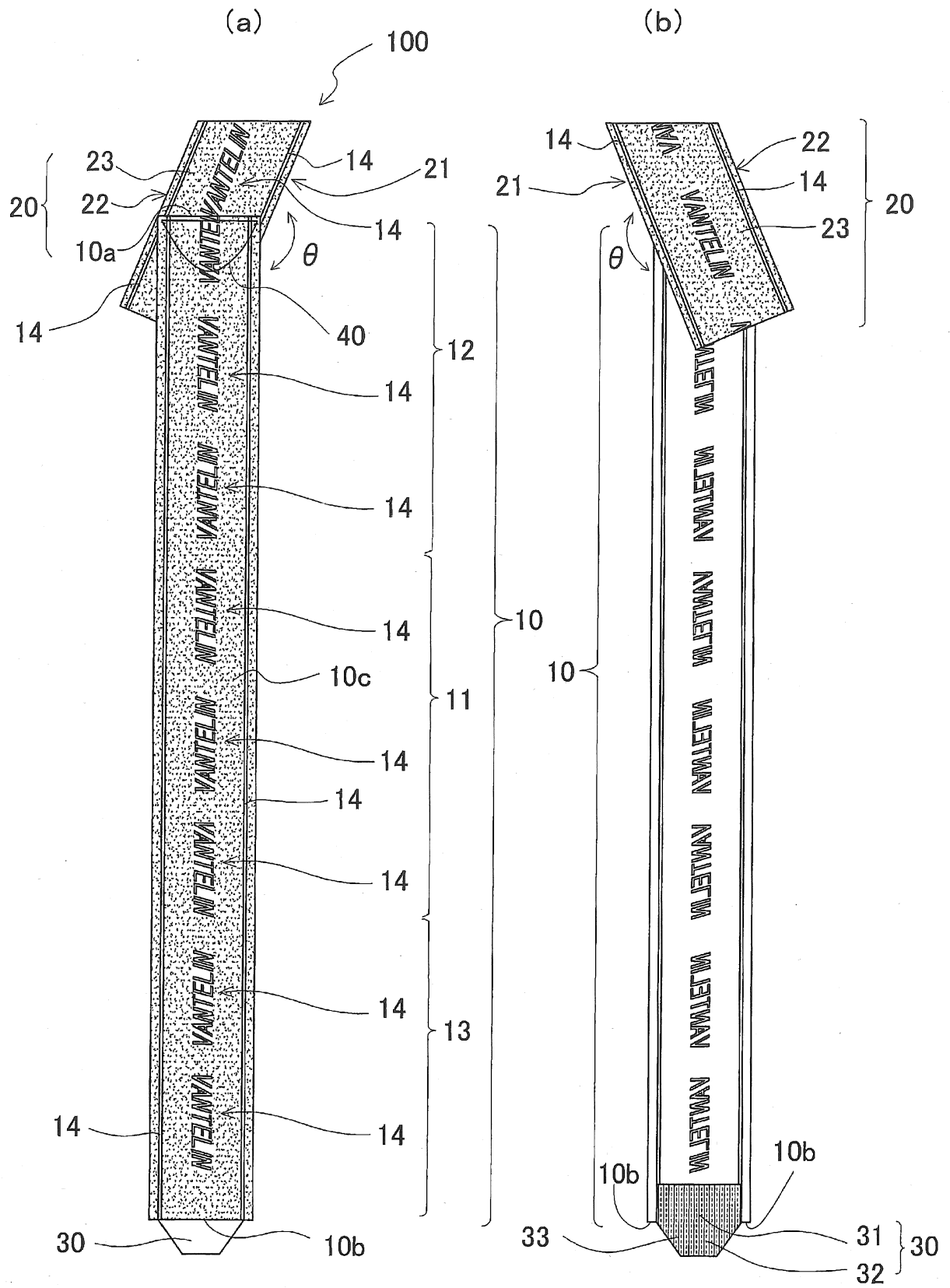


Fig.3

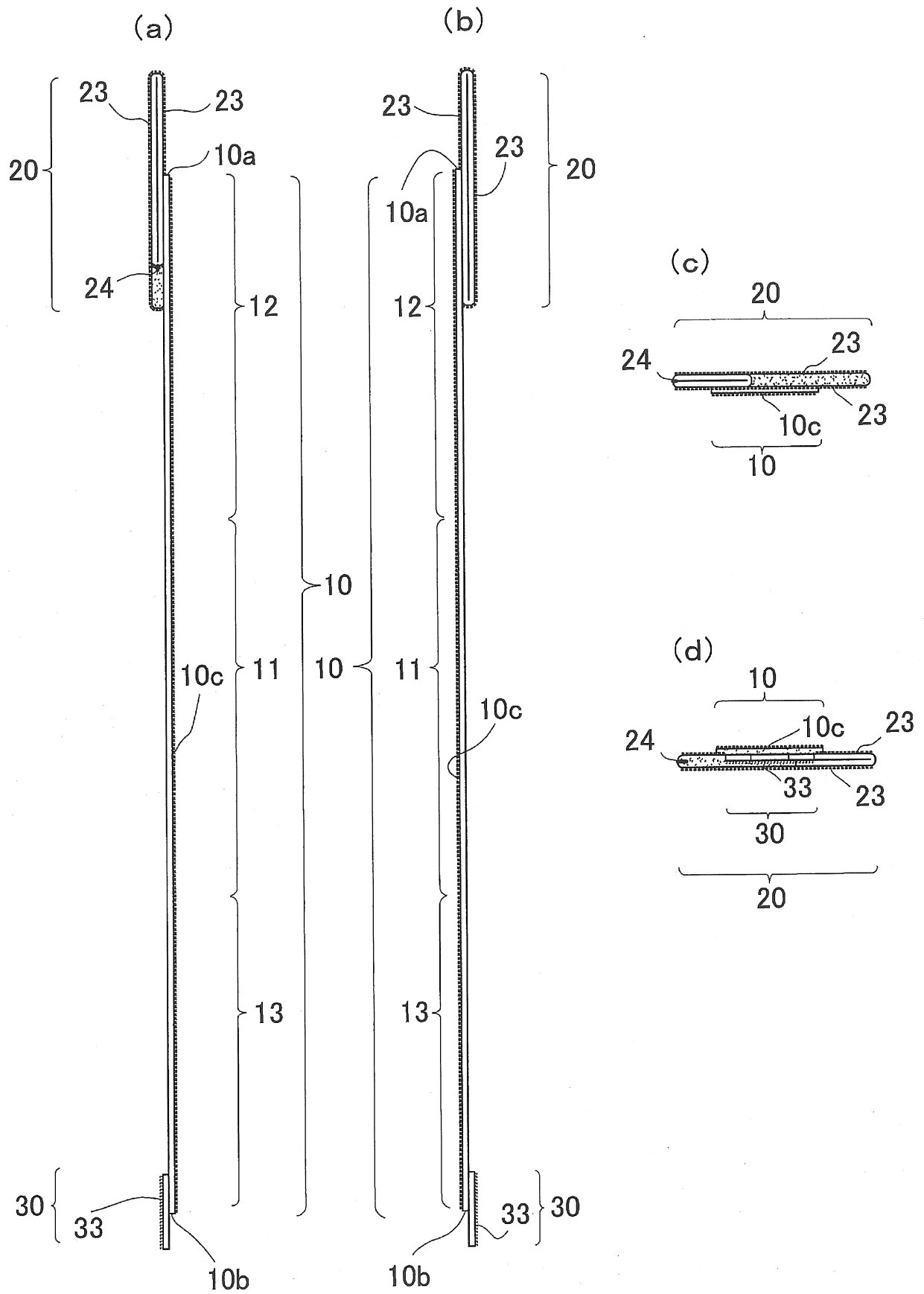


Fig.4

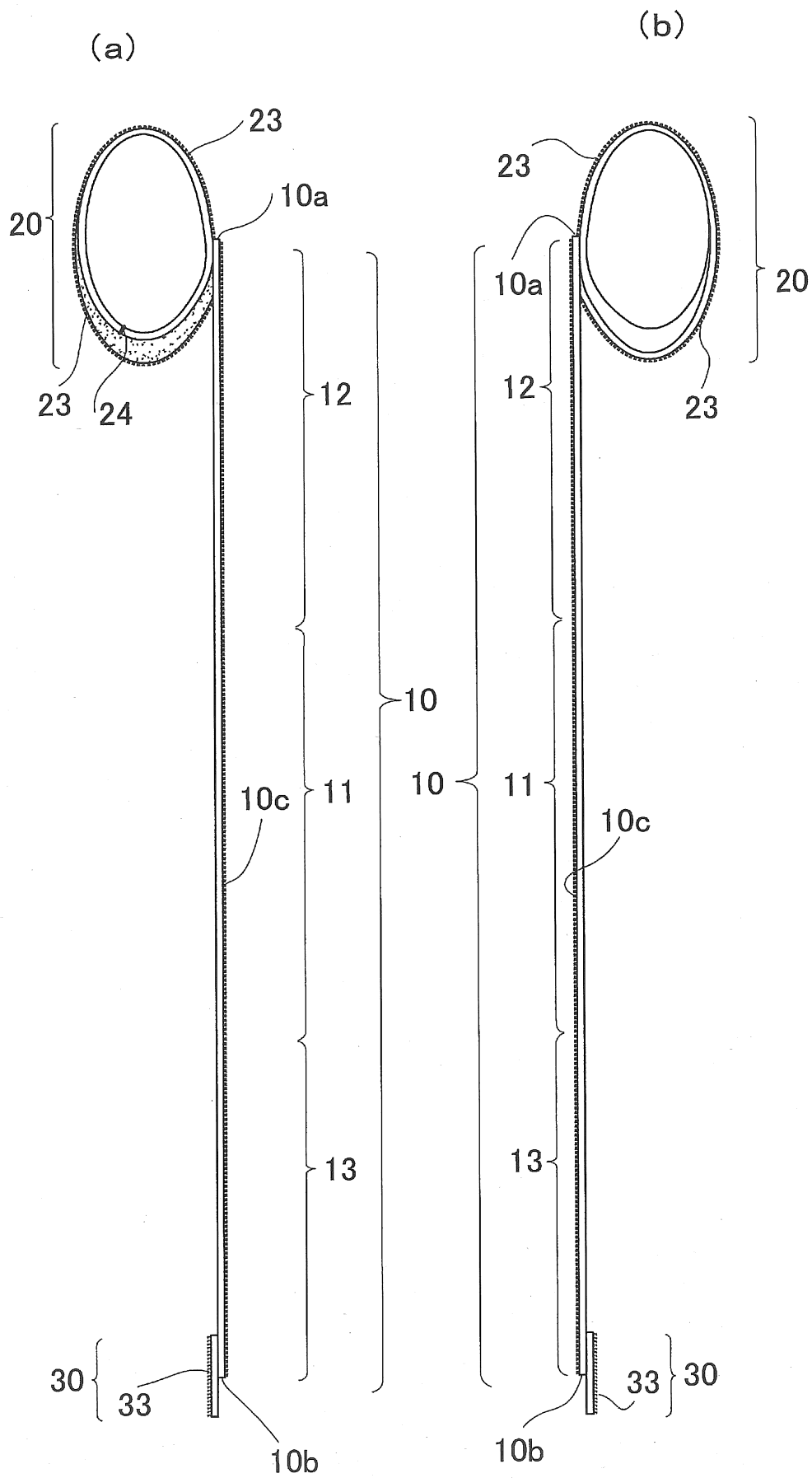
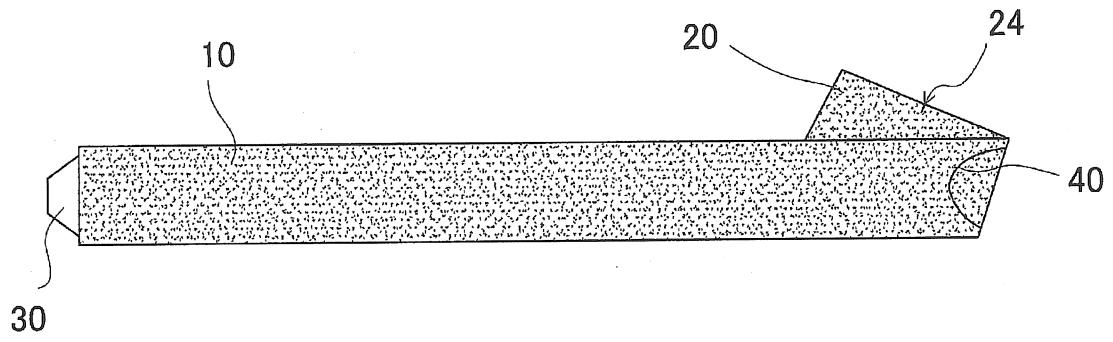


Fig.5

(a)



(b)

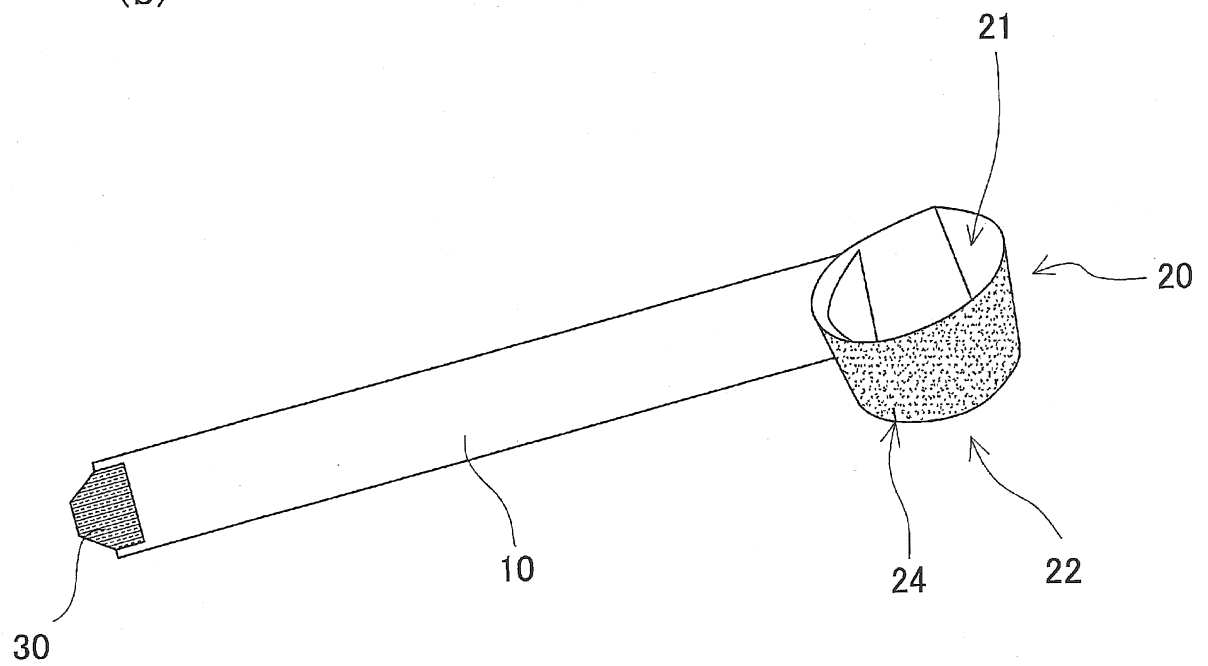


Fig.6

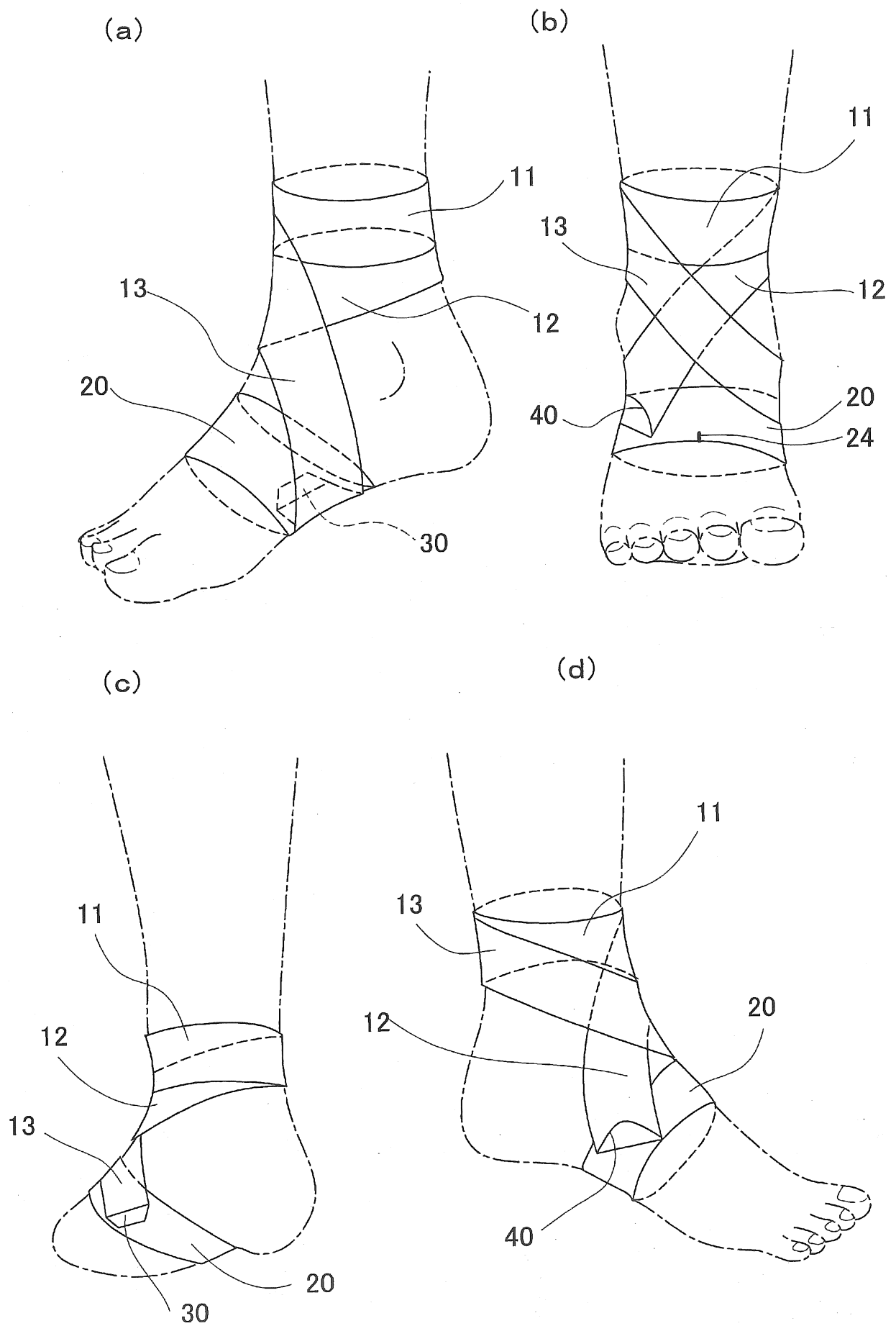


Fig.7

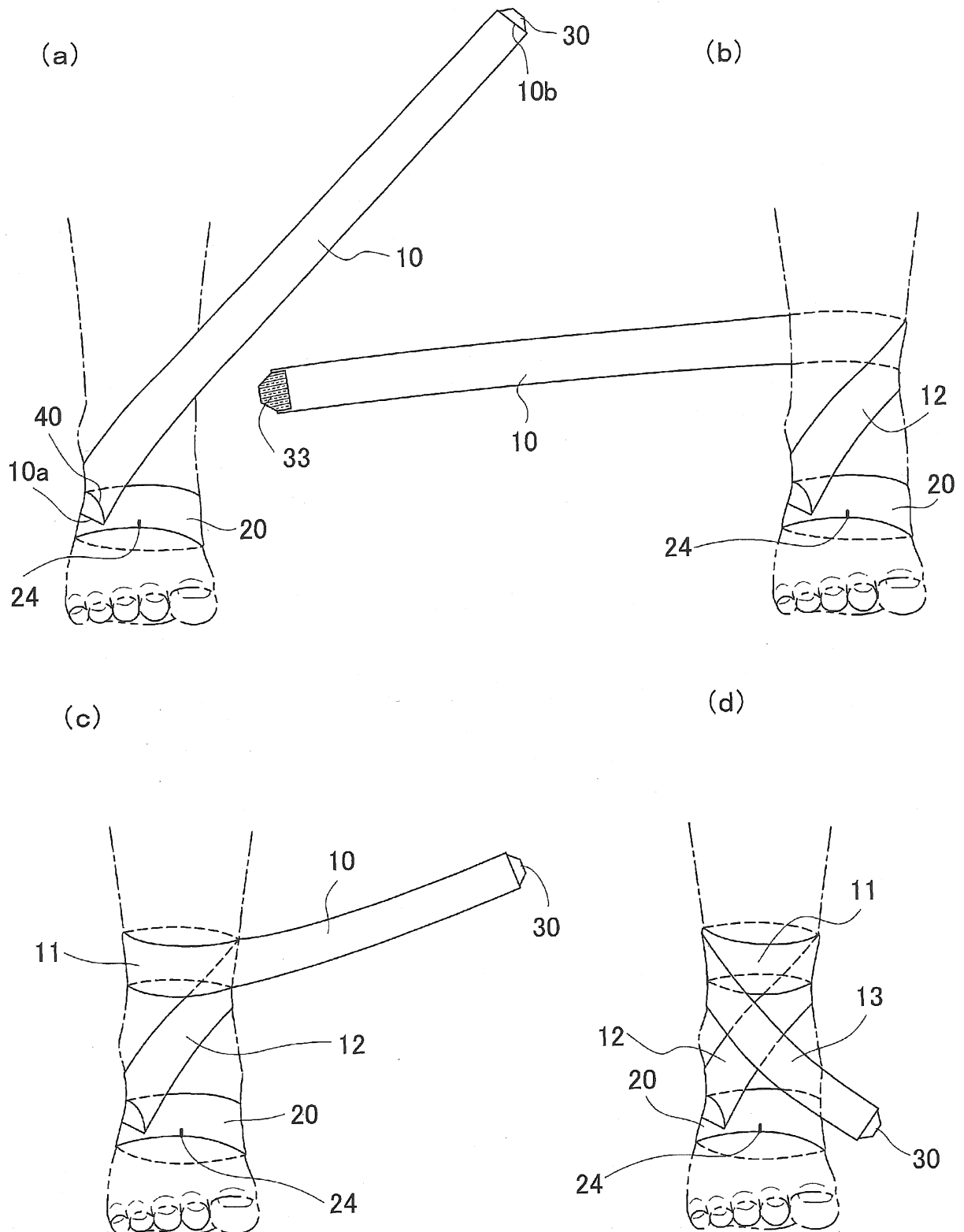


Fig.8

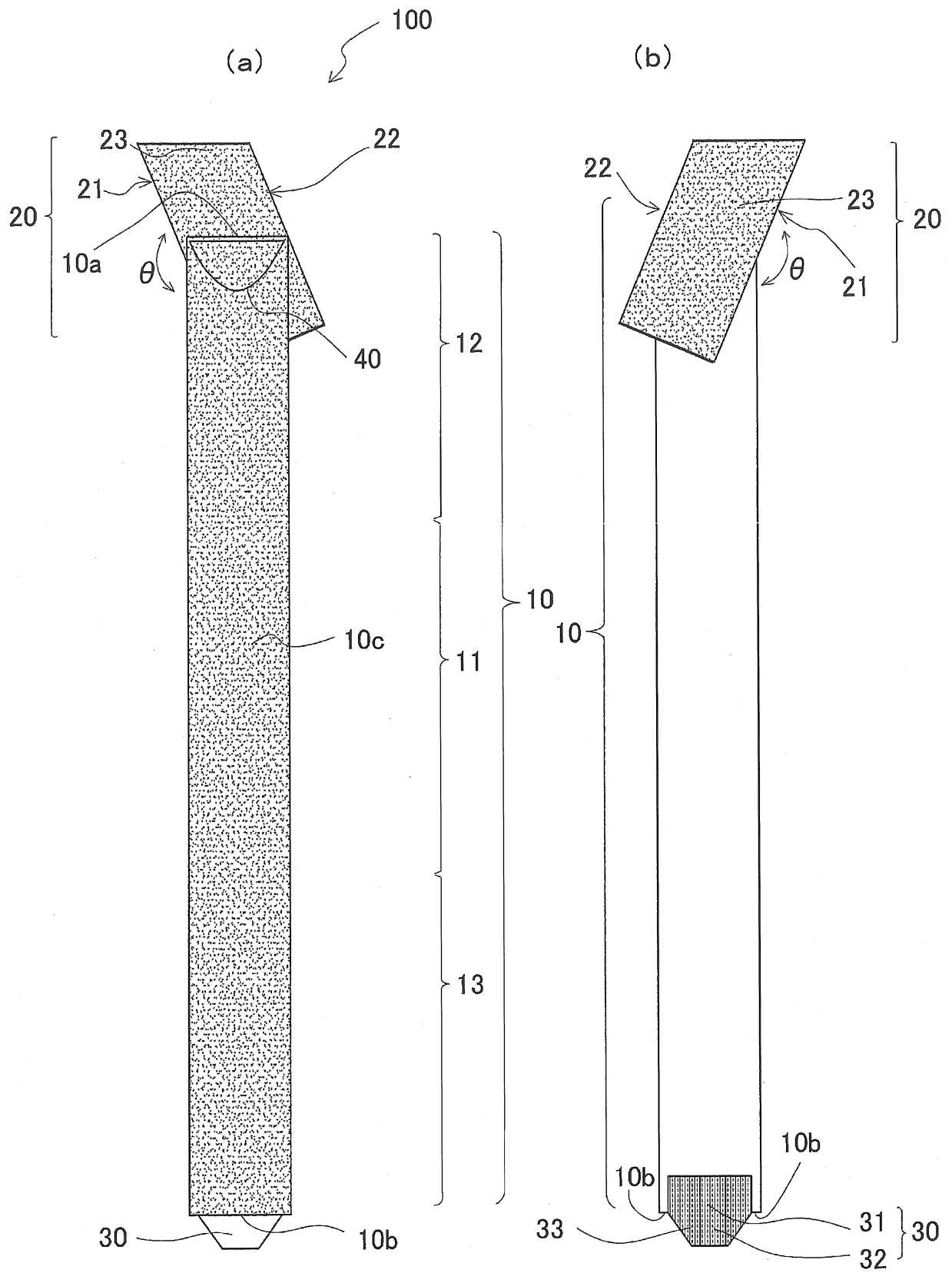


Fig.9

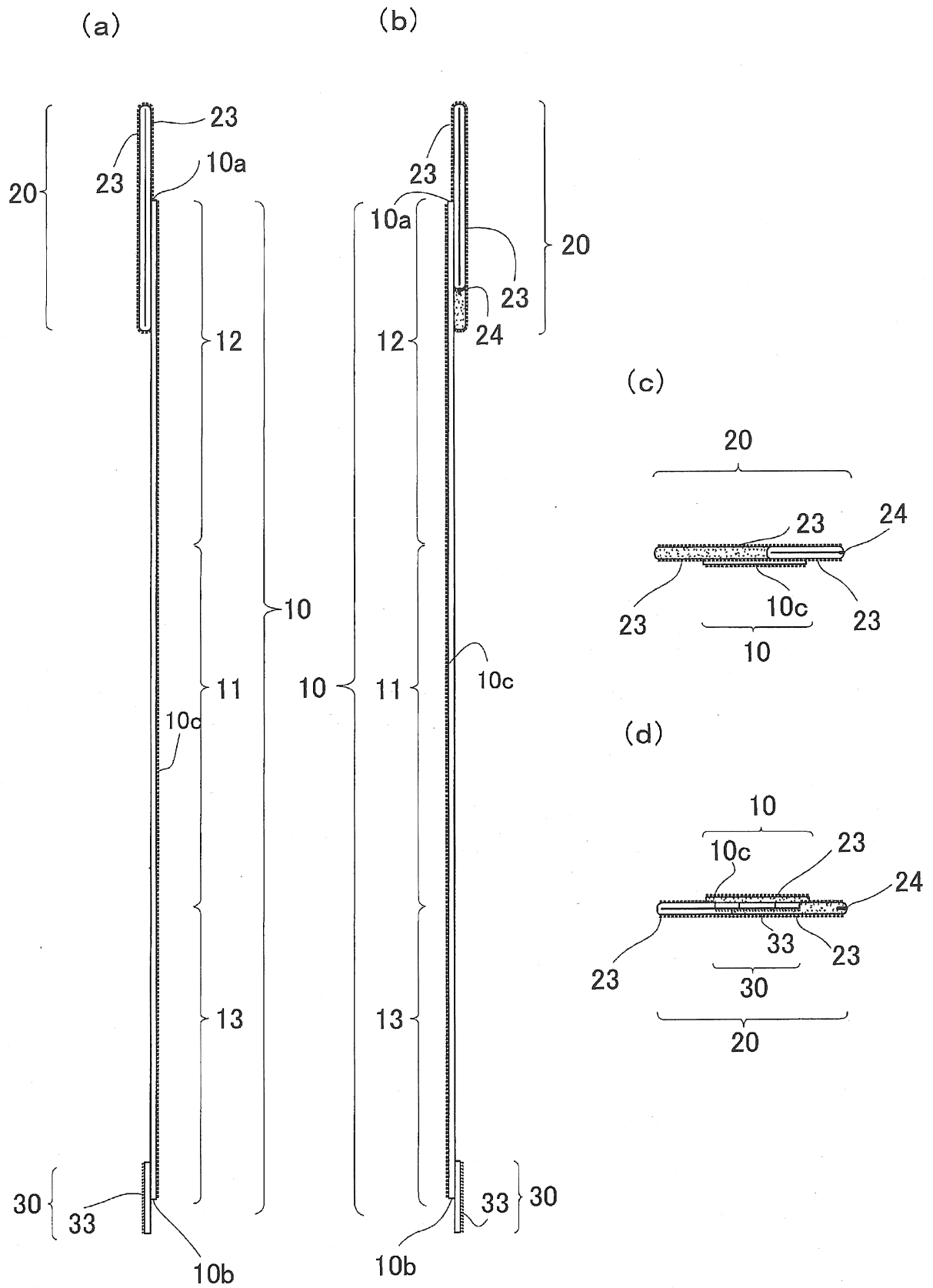


Fig.10

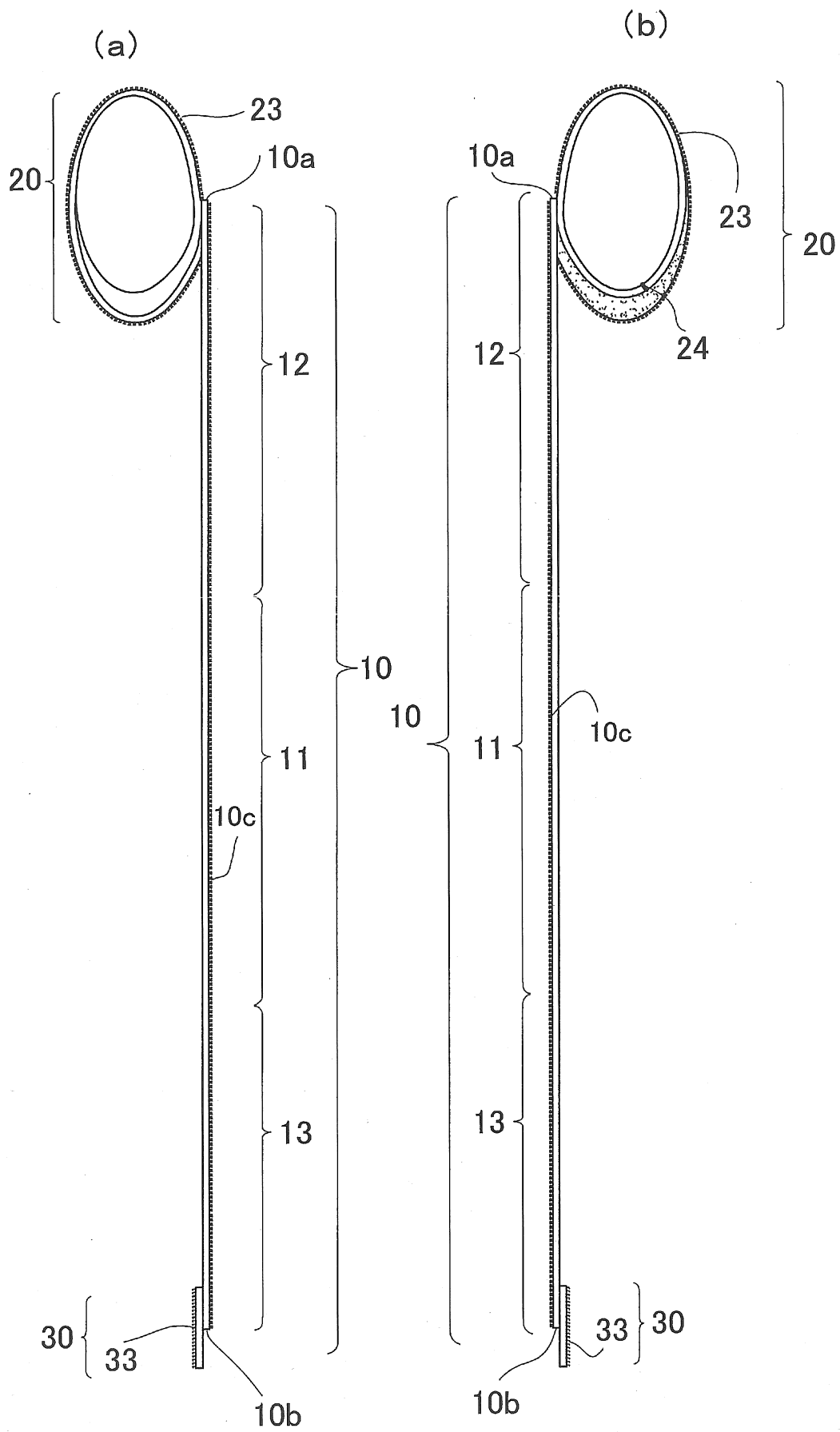


Fig.11

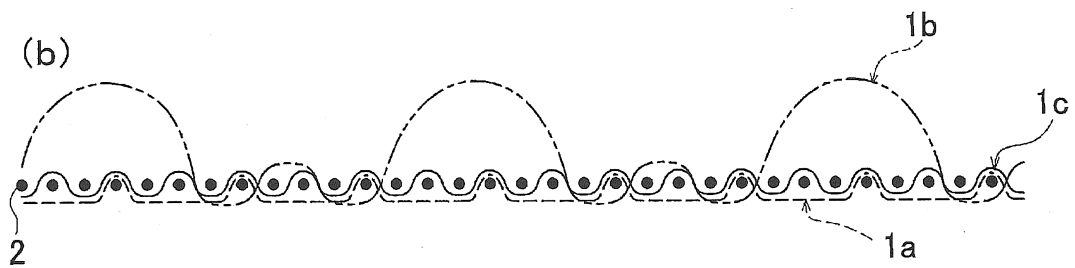
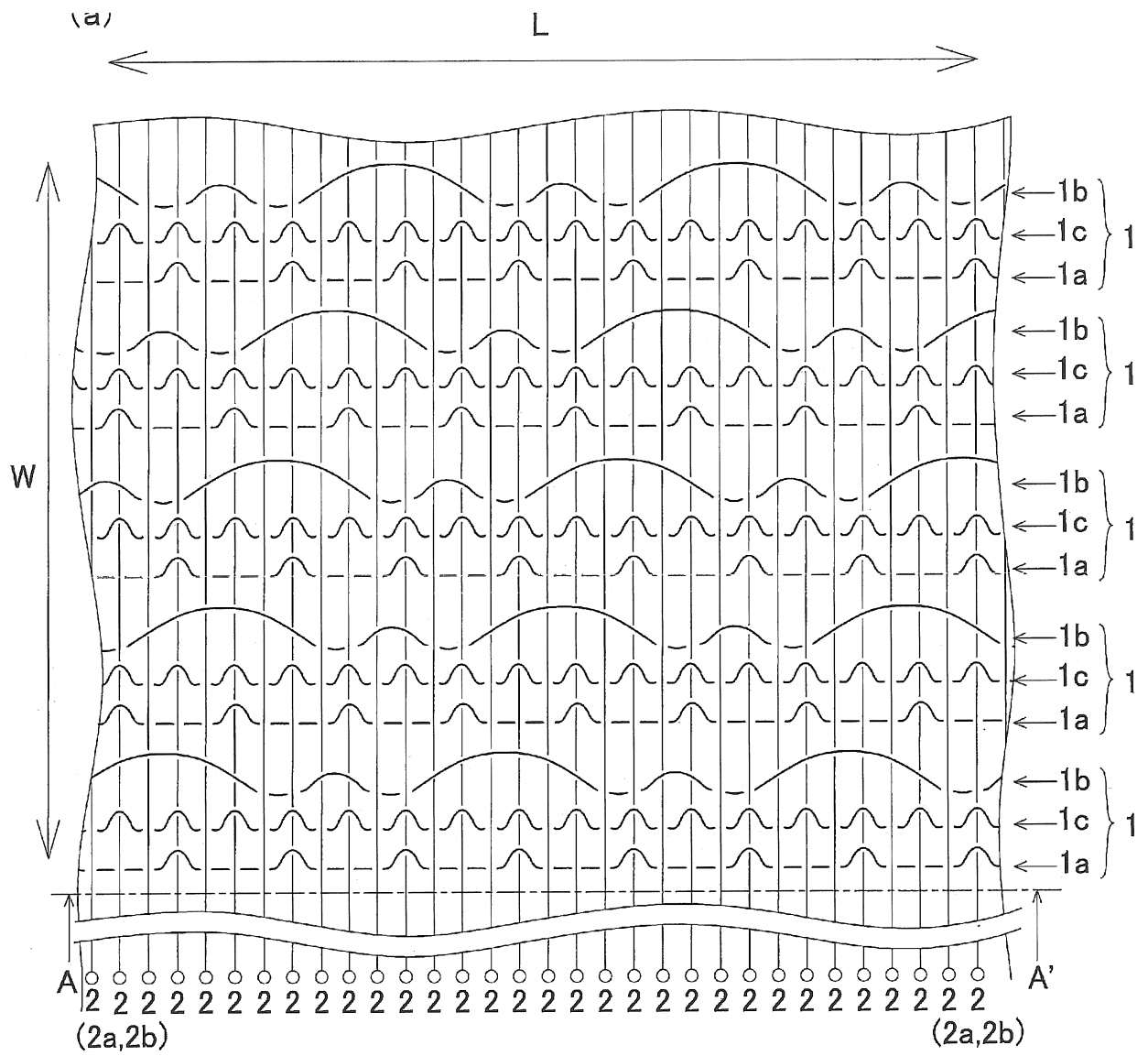


Fig.12

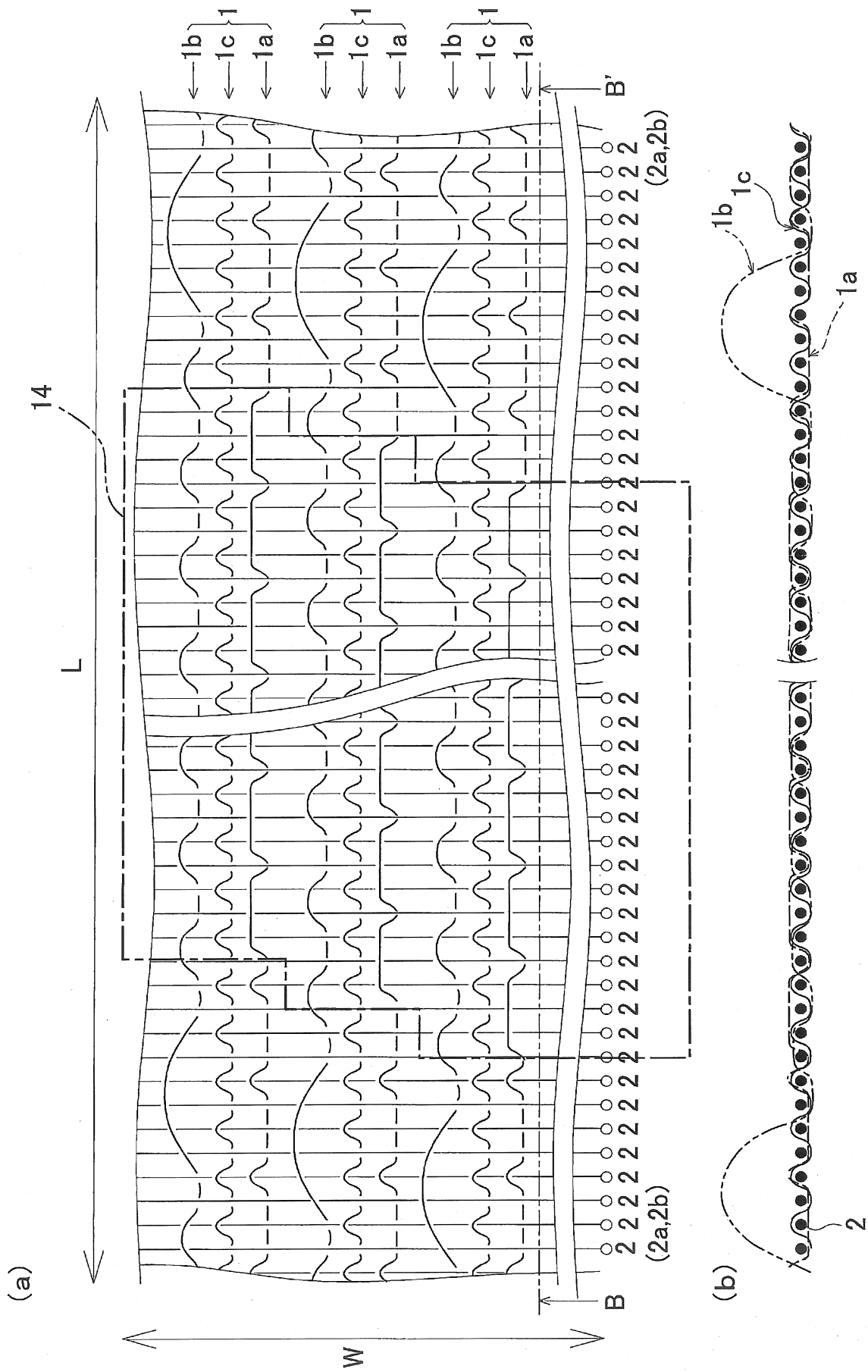


Fig.13

Các khoản mục đánh giá	Ví dụ so sánh 1 (35%)	Ví dụ 1 (45%)	Ví dụ 2 (60%)	Ví dụ 3 (75%)	Ví dụ so sánh 2 (90%)
① Lực cố định	Mạnh đáng kể (2,8 điểm)	Mạnh (2,2 điểm)	Mạnh (2,0 điểm)	Yếu (1,0 điểm)	Yếu (1,0 điểm)
② Đau	Đau (1,0 điểm)	Đau (1,2 điểm)	Hầu như không đau (1,6 điểm)	Hầu như không đau (1,6 điểm)	Không đau (2,4 điểm)
③ Dễ dàng bóc tách đoạn nhám	Tốt (3,0 điểm)	Tốt (2,8 điểm)	Tốt (2,8 điểm)	Hơi kém (2,2 điểm)	Kém (1,2 điểm)
④ Đặc tính tiếp xúc gần của vải	Có nổi (1,0 điểm)	Có nổi (1,2 điểm)	Rất tốt (2,8 điểm)	Rất tốt (3,0 điểm)	Rất tốt (3,0 điểm)
⑤ Dễ dàng quần	Khó quần chặt (1,2 điểm)	Đễ quần (2,4 điểm)	Rất dễ quần (2,6 điểm)	Đễ quần (2,4 điểm)	Giãn quá nhiều, và do đó khó quần (1,2 điểm)
⑥ Dễ điều chỉnh lực cố định	Khó điều chỉnh chặt (1,0 điểm)	Đễ điều chỉnh (2,0 điểm)	Rất dễ điều chỉnh (2,6 điểm)	Rất dễ điều chỉnh (2,6 điểm)	Rất dễ điều chỉnh (2,6 điểm)
⑦ Khó gấp vải	Khó gấp (3,0 điểm)	Khó gấp (3,0 điểm)	Khó gấp (2,8 điểm)	Hơi dễ gấp (2,2 điểm)	Đễ gấp (1,2 điểm)
Tổng điểm	13,0 điểm	14,8 điểm	17,2 điểm	15,0 điểm	12,6 điểm
Điểm số trung bình	1,86 điểm	2,11 điểm	2,46 điểm	2,14 điểm	1,80 điểm

Fig.14

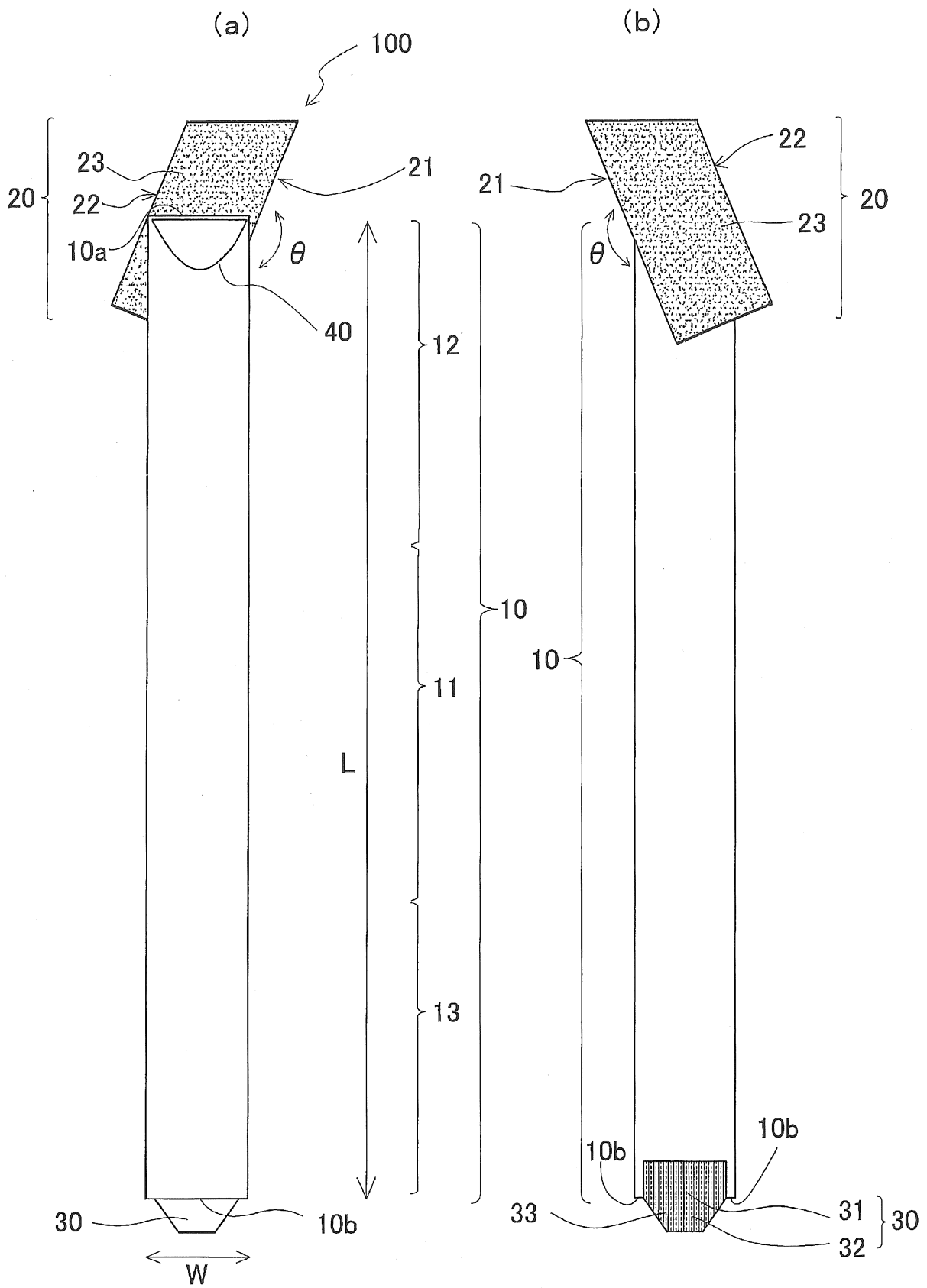


Fig.16

